

Số: /BC-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO

**Sơ kết 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình tổng thể
cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, đề xuất nhiệm vụ,
giải pháp trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước
giai đoạn 2026 - 2030 của UBND tỉnh Đắk Lắk**

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Quyết định số 145/QĐ-BNV ngày 03/3/2025 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Kế hoạch sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2021-2030; đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh CCHC nhà nước giai đoạn 2026-2030, UBND tỉnh Đắk Lắk Báo cáo sơ kết thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh như sau:

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC
NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 3478/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (gọi tắt là Quyết định số 3478/QĐ-UBND). Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh và các cấp ủy Đảng, chính quyền đã xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể về công tác CCHC, chủ động lựa chọn hình thức hội nghị triển khai chương trình, kế hoạch CCHC để quán triệt và đưa nội dung Chương trình tổng thể, văn bản chỉ đạo Trung ương và địa phương về CCHC vào nghị quyết của cấp ủy và chương trình, kế hoạch triển khai nhiệm vụ hàng năm của các ngành, các cấp chính quyền.

Trong giai đoạn 2021 - 2025, Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 24/11/2021 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh CCHC giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Chủ tịch UBND tỉnh ban hành nhiều Chỉ thị

về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, xin lỗi bằng văn bản khi giải quyết TTHC quá hạn, tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; ban hành và cập nhật bộ chỉ số đánh giá CCHC phù hợp với thực tiễn và thống nhất với các quy định, hướng dẫn của Bộ Nội vụ...

Giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo đồng bộ, kết hợp thông tin tuyên truyền, tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết của Tỉnh ủy từ đó tạo sự thống nhất từ nhận thức đến hành động về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác CCHC, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt, thường xuyên, lâu dài cần được thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao nhất. UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh, do Chủ tịch UBND tỉnh làm trưởng ban, Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh làm Phó Trưởng Ban, các thành viên là Giám đốc (thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh. UBND cấp huyện, UBND cấp xã cũng thành lập Ban Chỉ đạo CCHC theo phân cấp. UBND tỉnh đã ban hành các Kế hoạch CCHC cụ thể từng năm¹; Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC); Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC); Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC; Kế hoạch tuyên truyền CCHC và Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước. UBND tỉnh cũng đã lựa chọn chủ đề trọng tâm từng năm để làm khâu đột phá trong công tác CCHC². Các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã cụ thể hoá thành các chương trình, kế hoạch hoạt động từng tháng, quý, năm³.

- Công tác theo dõi, đánh giá Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị trực thuộc; đánh giá sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và các chỉ số, phương pháp đánh giá khác.

Công tác theo dõi đánh giá, thẩm định công tác CCHC hàng năm, tỉnh Đắk Lắk thành lập Tổ thẩm định và triển khai thẩm định trực tiếp tại các đơn vị địa phương, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số trong công tác đánh giá, thẩm định xác định chỉ số CCHC bằng hình thức trực tuyến, sử dụng phần mềm cập nhật số liệu và thẩm định kết quả online thay vì xuống tận cơ sở như các năm trước. Việc đánh giá lòng của người dân thực hiện theo Quyết định số 766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực

¹ Quyết định 3751/QĐ-UBND ngày 29/12/2021; Quyết định 3003/QĐ-UBND ngày 30/12/2022; Quyết định 2891/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; Quyết định 3235/QĐ-UBND ngày 25/12/2024.

² Năm hài lòng của người dân, doanh nghiệp về sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (2021); “Tăng cường kỷ cương, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức; đẩy mạnh thực hiện chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số” (2022); “Nâng cao hiệu quả hoạt động công vụ. Đổi mới, sáng tạo trong thực hiện CCHC, đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội” (2023); “Tập trung nguồn lực thực hiện CCHC nhà nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ” (2024); “Tập trung nguồn lực CCHC nhà nước, xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả; chú trọng đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, số hóa làm giàu dữ liệu và khai thác, sử dụng hiệu quả dữ liệu về dân cư; phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu về CCHC tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ XVII đã đề ra” (2025).

³ Có 19/19 sở, ban, ngành cấp tỉnh và 15/15 UBND các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành chương trình, kế hoạch (số liệu đến 30/3/2025).

hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử. Tỉnh cũng đã triển khai đo lường sự hài lòng của người dân đối với một số dịch vụ y tế công, dịch vụ giáo dục công...

- *Những sáng kiến và cách làm hay, những điển hình, mô hình tốt trong CCHC đã được triển khai áp dụng:* Trong 5 năm qua, đã có 23 sáng kiến điển hình, mô hình tốt, cách làm hay trong CCHC đã được triển khai áp dụng trong thực hiện CCHC trên địa bàn tỉnh⁴.

- *Công tác thi đua khen thưởng trong CCHC:* Đến nay, công tác CCHC được Tỉnh ủy, UBND tỉnh đưa vào một tiêu chí chấm điểm thực hiện nhiệm vụ hàng năm để xét khen thưởng cho các đơn vị, địa phương trên địa bàn toàn tỉnh. Từ năm 2021 đến nay, Chủ tịch UBND tỉnh đã khen thưởng cho 12 tập thể và 55 cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện CCHC.

2. Việc kiểm tra thực hiện công tác CCHC

Từ năm 2021 đến nay, tỉnh đã kiểm tra 30 đợt tại 100% sở, ban, ngành, 100% UBND cấp huyện và phần lớn UBND cấp xã. Tỉnh ủy tiến hành giám sát thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 24/11/2021 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh CCHC giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; HĐND tỉnh thực hiện giám sát cải cách TTHC đối với lĩnh vực y tế, xây dựng và giám sát cải cách TTHC tại các xã và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Tỉnh đã tập trung kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị có nhiều giao dịch hành chính liên quan trực tiếp đến công dân, doanh nghiệp như Sở Xây dựng, Sở Tài Chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND thành phố Buôn Ma Thuột...

Hàng năm, UBND tỉnh giao Sở Nội vụ tham mưu ban hành Kế hoạch kiểm tra kết quả thực hiện CCHC, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, công tác văn thư lưu trữ; trong đó, đảm bảo ít nhất 30% số cơ quan, đơn vị được kiểm tra trực tiếp⁵.

Việc xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch kiểm tra CCHC thực hiện đầy đủ theo kế hoạch hàng năm, thành lập tổ kiểm tra, báo cáo tự kiểm tra, biên bản kiểm tra, báo cáo của Tổ kiểm tra phân tích, đánh giá, nhận xét ưu điểm, tồn tại, hạn chế và đề nghị khắc phục tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, liên quan đến CCHC.

Qua kiểm tra, nhìn chung các cơ quan, đơn vị được kiểm tra đã chấp hành đúng các nội dung tại Kế hoạch đề ra. Những ưu điểm được phát huy và tiếp tục thực hiện, quy chế làm việc, các quy định được ban hành và tuân thủ thực hiện;

⁴ Tuyên truyền sử dụng ứng dụng thuế điện tử trên nền tảng thiết bị di động (eTax Mobile); Tổ chức Ngày hội Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh năm 2024 (Techfest Đắk Lắk năm 2024); Triển khai thực hiện việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên Ứng dụng định danh và xác thực điện tử (VNeID) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

⁵ Theo Kế hoạch số 48/KH-SNV ngày 29/12/2020, năm 2021 kiểm tra 03/09 cơ quan, đơn vị; Kế hoạch số 67/KH-SNV ngày 27/12/2021, năm 2022 kiểm tra 03/09 cơ quan, đơn vị; Kế hoạch số 164/KH-SNV ngày 29/12/2022, năm 2023 kiểm tra 03/09 cơ quan, đơn vị; Kế hoạch số 201/KH-SNV ngày 28/12/2023, năm 2024 kiểm tra 03/09 cơ quan, đơn vị; Kế hoạch số 22/KH-SNV ngày 14/3/2025, năm 2025 dự kiến tiến hành kiểm tra 04/11 đơn vị.

những tồn tại, hạn chế được khắc phục góp phần hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan đơn vị⁶.

3. Thông tin, tuyên truyền

Công tác tuyên truyền CCHC được đẩy mạnh, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, thái độ, trách nhiệm công vụ của đội ngũ CBCCVC, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương. Duy trì việc tuyên truyền CCHC trên Báo Đắk Lắk, Cổng Thông tin điện tử, các panô. Bên cạnh đó, vận động, khuyến khích CBCCVC, người lao động và mọi công dân sinh sống, học tập, làm việc trên địa bàn tỉnh tham gia Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu CCHC tỉnh Đắk Lắk năm 2022 với hơn 25.000 lượt người tham gia; Cuộc thi trắc nghiệm tìm hiểu về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk năm 2024... trên Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ qua các hoạt động tuyên truyền từ đó lan tỏa mạnh mẽ tinh thần cải cách trong đội ngũ CBCCVC và tuyên truyền về quyết tâm, nỗ lực của hệ thống chính trị trong thực hiện CCHC.

Công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC hướng vào mục tiêu, nội dung Chương trình tổng thể tiếp tục được coi trọng trong giai đoạn 2021 - 2025. Tỉnh đã xây dựng kế hoạch tuyên truyền giai đoạn và hàng năm, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật Nhà nước, CCHC trên các phương tiện thông tin đại chúng. Từ năm 2021 đến nay, tỉnh đã tổ chức 12 đợt truyền thông, thông tin tuyên truyền về CCHC tại vùng sâu, vùng xa, vùng thiếu thông tin; sản xuất 32 chương trình “Dân hỏi - Thủ trưởng cơ quan hành chính trả lời”; in mới và duy trì 10 cụm pa-nô tuyên truyền; phát video đồ họa thể hiện thông điệp CCHC tỉnh Đắk Lắk tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả các cấp; tổ chức hơn 10 Hội thi, cuộc thi tìm hiểu nội dung chương trình CCHC: Cuộc thi viết tìm hiểu CCHC cho hơn 28.000 lượt CBCCVC.

Giai đoạn 2021 - 2025, Cổng Thông tin điện tử tỉnh đã đăng tải hơn 450 tin, bài với hơn 680 hình ảnh và video về CCHC. Báo Đắk Lắk đã xây dựng và đăng tổng cộng hơn 968 tin, bài, video clip liên quan đến CCHC. Cổng Thông tin điện tử tỉnh đã liên kết với Trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đáp ứng nhu cầu của công dân, tổ chức trong việc tìm hiểu TTHC, thông tin hoạt động và hướng dẫn nghiệp vụ ngành, lĩnh vực. Các cơ quan, đơn vị đã chủ động phối hợp với Ban Tuyên giáo các cấp, các cơ quan thông tin đại chúng phát triển phong phú các hình thức tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn cho công dân và doanh nghiệp thông qua hội nghị đối thoại doanh nghiệp, xây dựng kiosk thông tin, tham vấn ý kiến người dân; in tờ rơi dán tại nơi công sở làm việc hoặc phát cho công dân, tổ chức có nhu cầu muốn tìm hiểu, niêm yết thành phần hồ sơ, quy trình, thời gian, công khai các khoản phí, lệ phí phải nộp để giải quyết các TTHC...

Qua công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của công chức, viên chức của và toàn thể nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng, nội dung và mục tiêu, nhiệm vụ công tác CCHC, tạo sự đồng thuận trong việc thực hiện có hiệu quả

⁶ Báo cáo số 234/BC-TKT ngày 12/10/2021; Báo cáo số 316/BC-TKT ngày 09/9/2022; Báo cáo số 527/BC-TKT ngày 18/9/2023; Báo cáo số 426/BC-TKT ngày 22/8/2024.

công tác CCHC trong giai đoạn hiện nay; chú trọng đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, số hóa làm giàu dữ liệu và khai thác, sử dụng hiệu quả dữ liệu về dân cư; phân đầu hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu về CCHC tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ XVII đã đề ra; tăng tỷ lệ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ bưu chính công ích khi thực hiện các TTHC.

4. Đánh giá chung về công tác triển khai

4.1. Mặt tích cực đạt được

Công tác CCHC được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm từ việc xây dựng kế hoạch, nắm bắt tình hình, định hướng các mục tiêu, các nhiệm vụ cụ thể, tập trung giải quyết khó khăn, vướng mắc trong thực hiện nhiệm vụ CCHC để thực hiện tốt các nội dung CCHC theo tình hình thực tiễn của địa phương.

Công tác truyền thông về CCHC tiếp tục được quan tâm định hướng và chỉ đạo thực hiện. Các đơn vị, địa phương quyết tâm cao việc thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các nội dung về CCHC, cải cách TTHC bằng nhiều hình thức phong phú và đa dạng để người dân, doanh nghiệp biết để thực hiện và giám sát.

4.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quyết liệt trong chỉ đạo công tác CCHC, việc chỉ đạo thực hiện công tác CCHC còn mang tính hình thức.

Chưa chú trọng triển khai thực hiện sáng kiến, giải pháp cụ thể để tăng sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

II. TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ CÁC NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ CCHC

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Về tình hình triển khai xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật thuộc phạm vi trách nhiệm của tỉnh trên cơ sở Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật CBCCVC và Hiến pháp:

Hàng năm UBND tỉnh ban hành Kế hoạch công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra và rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL⁷; Kế hoạch công tác pháp chế⁸;

⁷ Kế hoạch số 11555/KH-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh về công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra và rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2021; Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 04/01/2022 về công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra và rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2022; Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 21/12/2022 về công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra và rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2023; Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 28/12/2023 về công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra và rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2024; Kế hoạch số 233/KH-UBND ngày 30/12/2024 về công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra và rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2025.

⁸ Kế hoạch số 1296/KH-UBND ngày 09/02/2021 về công tác pháp chế năm 2021; Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 02/3/2022 về công tác pháp chế năm 2022; Kế hoạch số 234/KH-UBND ngày 13/12/2022 về công tác pháp chế năm 2023; Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 10/01/2024 về công tác pháp chế năm 2024; Kế hoạch số 10KH-UBND ngày 15/01/2025 về công tác pháp chế năm 2025.

Kế hoạch triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh⁹; Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh làm cơ sở cho các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện¹⁰.

Để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành lĩnh vực cải cách thể chế, bên cạnh việc tham mưu ban hành các Kế hoạch triển khai thực hiện UBND tỉnh giao Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp ban hành Kế hoạch về xây dựng, ban hành, kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL để triển khai thực hiện tại các đơn vị liên quan¹¹, ngoài ra Sở Tư pháp đã chủ động tham mưu ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai công tác xây dựng pháp luật, đẩy mạnh CCHC, cải cách tư pháp, tăng cường trách nhiệm trong công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL; tăng cường các giải pháp nâng cao Chỉ số cải thiện các quy định của pháp luật; đẩy nhanh tiến độ xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết các Luật, triển khai công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh¹²; Qua thống kê giai đoạn 2021 - 2025 HĐND, UBND tỉnh đã ban hành 347 văn bản QPPL, gồm 109 Nghị quyết, 238 Quyết định nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước trong

⁹ Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 02/3/2022 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh năm 2022; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 03/01/2023 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh năm 2023; Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 29/01/2024 hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh năm 2024; Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 23/1/2025 hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh năm 2025.

¹⁰ Kế hoạch số 11816/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2021; Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2022; Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2023; Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2024; Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 17/01/2025 của UBND tỉnh về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2025.

¹¹ Kế hoạch số 02/KH-STP ngày 12/01/2021 của Sở Tư pháp về công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của Sở Tư pháp năm 2021; Kế hoạch số 04/KH-STP ngày 15/01/2024 về công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của Sở Tư pháp năm 2024; Kế hoạch số 10/KH-STP ngày 21/02/2025 về công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của Sở Tư pháp năm 2025.

¹² Công văn yêu cầu chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong xây dựng, ban hành văn bản QPPL (Công văn số 1302/UBND-NC ngày 09/02/2021); Công văn tăng cường trách nhiệm trong công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL (Công văn số 5015/UBND-NC ngày 08/6/2021); Công văn về tập trung xây dựng và thực hiện các giải pháp nâng cao Chỉ số cải thiện các quy định của pháp luật (Công văn số 2656/UBND-NC ngày 31/3/2021)...; Công văn đôn đốc thực hiện công tác xây dựng và ban hành văn bản QPPL (Công văn số 2732/UBND-NC ngày 07/4/2022); Công văn về việc đẩy mạnh khai thác, sử dụng Bộ pháp điển (Công văn số 7074/UBND-NC ngày 17/8/2023); Công văn số 1151/UBND-NC ngày 15/02/2023 về xây dựng văn bản quy định chi tiết Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở. Hiện nay, các huyện, thị xã, thành phố đang tăng cường đôn đốc, chỉ đạo cấp xã xây dựng văn bản chi tiết Luật theo quy định, Công văn số 10277/UBND-NC ngày 22/11/2023 của UBND tỉnh đôn đốc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết Luật và triển khai Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ; Công văn đôn đốc các sở, ban ngành của tỉnh đẩy nhanh tiến độ xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các nội dung được giao trong Luật (Công văn số 7537/UBND-NC ngày 16/8/2024); Công văn số 10351/UBND-NC ngày 07/11/2024 triển khai thực hiện Quyết định số 143/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 1188/UBND-NC ngày 16/02/2022 về việc triển khai Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2022; Công văn số 538/STP-QLXLVPHC&TDTHPL ngày 11/5/2022 của Sở Tư pháp về việc tham khảo Danh mục văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành 2022 phục vụ công tác theo dõi thi hành pháp luật; Công văn số 960/UBND-NC ngày 09/02/2023 về triển khai công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023 trên địa bàn tỉnh; Công văn số 1790/UBND-NC ngày 06/3/2024 về việc xác định nhiệm vụ và giao trách nhiệm triển khai công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024; Công văn số 4723/UBND-NC ngày 31/05/2024 tiếp tục triển khai công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024; Công văn số 4995/UBND-NC ngày 07/06/2024 tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh;...

các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh; HĐND, UBND cấp huyện đã xây dựng, ban hành 217 văn bản QPPL, gồm 08 nghị quyết, 209 quyết định¹³; HĐND, UBND cấp xã ban hành 144 văn bản QPPL¹⁴ các văn bản UBND cấp huyện ban hành được Sở Tư pháp kiểm tra theo thẩm quyền theo quy định. Trong quá trình thực hiện, tỉnh Đắk Lắk đã thường xuyên tham mưu báo cáo¹⁵ cơ quan nhà nước cấp trên về những kết quả đạt được cũng như thường xuyên theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn kịp thời định hướng triển khai, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện.

b) Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật: Việc tuân thủ quy trình xây dựng pháp luật và đổi mới, hoàn thiện quy trình lập pháp, lập quy; công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật:

Hàng năm, tỉnh Đắk Lắk thường xuyên chú trọng quan tâm công tác bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ; kiểm tra việc thực hiện hàng năm, tỉnh đã giao Sở Tư pháp tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác tham mưu xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL của các sở, ngành và HĐND, UBND cấp huyện (đã tổ chức 05 hội nghị); tham gia các nội dung tập huấn do Bộ Tư pháp tổ chức; biên tập các loại Sở tay hướng dẫn công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL để cấp phát đến cơ quan, đơn vị, địa phương của tỉnh.

Ngoài ra, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp tiến hành kiểm tra công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL thông qua hoạt động kiểm tra công tác tư pháp, kiểm tra cải cách thể chế theo Kế hoạch kiểm tra của UBND tỉnh của Đoàn kiểm tra CCHC tỉnh và tham gia nhiều cuộc họp giải quyết khó khăn, vướng mắc trong xây dựng, thi hành văn bản pháp luật từ đó cải thiện chỉ số quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh ...

c) Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật: Công tác tổ chức thi hành pháp luật; năng lực phản ứng chính sách; công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thi hành pháp luật; công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; công tác tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật:

¹³ Chủ yếu quy định về chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.

¹⁴ Quy định chi tiết Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

¹⁵ Báo cáo Bộ Tư pháp tình hình thực hiện Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (Báo cáo số 273/BC-UBND ngày 31/8/2023); báo cáo về rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định bất cập, những vấn đề vướng mắc trong các luật, pháp lệnh hiện hành (Báo cáo số 244/BC-UBND ngày 14/8/2023); báo cáo về việc kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có quy định thủ tục hành chính trái thẩm quyền, nội dung (Báo cáo số 251/BC-UBND ngày 17/8/2023). Báo cáo kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo Luật Giao dịch điện tử năm 2023 phục vụ triển khai Đề án 06 cho Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật (Báo cáo số 236/BC-UBND ngày 14/8/2023); báo cáo về nguồn nhân lực làm công tác tham mưu xây dựng pháp luật tại tỉnh Đắk Lắk (Báo cáo số 297/BC-UBND ngày 21/9/2023); báo cáo kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy của các bộ, ngành, cơ quan ở Trung ương tại tỉnh Đắk Lắk (Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 06/01/2025); báo cáo kết quả tự kiểm tra văn bản của UBND tỉnh Đắk Lắk liên quan đến việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức phục vụ mục tiêu phát triển nguồn nhân lực và lĩnh vực khoa học và công nghệ năm 2025 (Báo cáo số 24/BC-UBND ngày 21/01/2025);...

Giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh đã tổ chức 07 Hội nghị tập huấn công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính cho hơn 1.500 lượt cán bộ, công chức làm công tác này trên địa bàn tỉnh; đồng thời, cử báo cáo viên của Sở Tư pháp phối hợp với một số UBND cấp huyện tổ chức hội nghị tập huấn tại địa phương. Bên cạnh đó, Sở còn xây dựng Sổ tay “*về nội dung cơ bản của Luật Xử lý vi phạm hành chính*” và Sổ tay “*Hỏi đáp về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật*”, đề cập đến các nội dung cơ bản của Luật Xử lý vi phạm hành chính và nội dung cơ bản về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật để giúp cơ quan, người làm công tác này trên địa bàn tỉnh nâng cao kiến thức cũng như kỹ năng tổ chức thực hiện các hoạt động về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

1.2. Những tồn tại hạn chế và nguyên nhân

a) Những tồn tại, hạn chế

Kết quả chỉ số CCHC của tỉnh bị mất là điểm về tiêu chí, tiêu chí thành phần qua điều tra xã hội học chưa đạt điểm tối đa.

Theo báo cáo về kết quả chỉ số CCHC và Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk thì lĩnh vực cải cách thể chế bị mất điểm ở tiêu chí thành phần về đánh giá tác động của cải cách đến chất lượng văn bản QPPL do tỉnh ban hành, điểm này được Bộ Nội vụ chủ động chấm thông qua Phiếu điều tra xã hội học (*đối tượng gồm: lấy ý kiến đại biểu HĐND tỉnh, lãnh đạo cấp sở, lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, lãnh đạo cấp huyện*); nguyên nhân mất điểm tại nội dung này là do đội ngũ cán bộ, lãnh đạo, quản lý các đơn vị trên địa bàn tỉnh đánh giá qua phiếu điều tra xã hội học.

Việc xác định lĩnh vực trọng tâm trong theo dõi tình hình thi hành pháp luật chưa được rõ ràng, lúng túng trong thực hiện

b) Nguyên nhân

Sự phối giữa các cơ quan, đơn vị khi xây dựng văn bản QLNN còn hạn chế, chủ yếu giao khoán trách nhiệm cho cơ quan, đơn vị được giao chủ trì soạn thảo;

Một số ít công chức, viên chức vẫn còn bị ảnh hưởng bởi lối tư duy và phong cách làm việc cũ, chưa đề cao ý thức đổi mới ngang tầm với mục tiêu của chương trình đẩy mạnh cải cách TTHC.

Văn bản QPPL trong một số lĩnh vực do các Bộ, ngành ở Trung ương quy định giao địa phương quy định nhưng nội dung giao chưa rõ ràng, pháp luật có liên quan không đồng bộ hoặc chậm quy định, hướng dẫn gây ảnh hưởng đến tính khả thi và tính kịp thời xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết của địa phương.

Vẫn còn cơ quan, đơn vị ở tỉnh thực hiện chưa nghiêm quy trình xây dựng, ban hành văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh, đã ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ xây dựng, ban hành văn bản QPPL; chất lượng đề nghị xây dựng văn bản QPPL chưa cao do cơ quan lập đề nghị chưa chú trọng làm rõ sự cần thiết, đối

tượng áp dụng, phạm vi điều chỉnh của văn bản, nội dung chung chung, sơ sài; chưa tổ chức rà soát, đánh giá việc thực thi pháp luật có liên quan trước khi lập đề nghị... Việc thực hiện chưa đầy đủ các hoạt động trong quá trình lập đề nghị gây khó khăn trong việc xem xét chấp thuận xây dựng văn bản, vì thiếu thông tin, thiếu căn cứ, dẫn đến một số đề nghị phải thực hiện lại.

Một số dự thảo do cơ quan soạn thảo thiếu sự chủ động trong việc đầu tư nghiên cứu, thời gian xây dựng cũng như sự chỉ đạo sát sao, bố trí cán bộ hợp lý nên chất lượng dự thảo không bảo đảm, nội dung chung chung, đơn giản, sơ sài.

Việc tổ chức lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo văn bản QPPL chưa thực sự hiệu quả, dự thảo văn bản đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh đều không nhận được ý kiến góp ý. Các cơ quan, đơn vị khi góp ý, chưa thực sự góp ý sâu với góc độ chuyên môn của cơ quan, đơn vị để đánh giá dự thảo có phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương, đảm bảo tính khả thi khi ban hành; không ít cơ quan chưa thực hiện hết trách nhiệm trong việc phối hợp xây dựng văn bản, nhất là những văn bản có liên quan đến ngành, địa phương quản lý, rất nhiều vấn đề phức tạp nhưng khi lấy ý kiến đều nhất trí.

Một số đơn vị cấp huyện chưa nắm vững, thực hiện đúng quy trình xây dựng, ban hành văn bản QPPL của cấp huyện, dẫn đến còn sai sót (chưa lấy ý kiến góp ý của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, thẩm định chủ yếu về thể thức, kỹ thuật trình bày, chưa đi sâu vào xem xét nội dung văn bản; đánh số văn bản QPPL theo văn bản hành chính; ngày có hiệu lực trùng ngày ban hành; ban hành không thông qua họp hoặc lấy ý kiến thành viên UBND...).

2. Cải cách TTHC

2.1. Kết quả đạt được

a) Cải cách TTHC trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ, các bộ, ngành

Ngay khi tiếp nhận các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản, chương trình, kế hoạch... giao các cơ quan chuyên môn của tỉnh nghiên cứu, triển khai thực hiện theo thẩm quyền hoặc tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện; không để xảy ra tình trạng các quy định mới không được áp dụng vào hoạt động lãnh đạo, điều hành và quản lý xã hội trên địa bàn tỉnh. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động, kịp thời tổ chức quán triệt, xây dựng các văn bản để triển khai thực hiện các quyết định, kế hoạch, chương trình công tác theo đúng định hướng, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước. Trên cơ sở đó, tổ chức thực hiện đảm bảo tiến độ và yêu cầu nhiệm vụ đề ra.

Hàng năm UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo từng sở, ban, ngành địa phương nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; đồng thời, thường xuyên rà soát, xác định những vấn đề trọng tâm, quan trọng cấp bách, những vấn đề phát sinh cần chỉ đạo, xử lý để kịp thời lãnh đạo, điều hành giải quyết. Qua đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động

trong công tác tham mưu, phục vụ sự chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh nên chất lượng công tác tham mưu có nhiều chuyển biến tích cực.

b) Về kiểm soát TTHC

Việc ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC theo các quy định của Chính phủ được tỉnh luôn quan tâm chú trọng, giai đoạn 2021 – 2025, UBND tỉnh đã thực hiện nhiệm vụ rà soát, đánh giá TTHC theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát TTHC, tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Kế hoạch hàng năm, đồng thời chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố, các sở, ngành liên quan rà soát, đánh giá TTHC cụ thể cho từng năm trên địa bàn tỉnh cụ thể:

Năm 2021: Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC trên địa bàn tỉnh năm 2021. Tổng số TTHC cần rà soát, đơn giản hóa theo Kế hoạch: 874 TTHC (thuộc các lĩnh vực: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Thanh tra, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tư pháp, Văn hóa - Thể thao và Du lịch); tổng số TTHC đã được rà soát: 874 TTHC; tổng số TTHC đề xuất phương án đơn giản hóa: 04 TTHC; Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch rà soát, đơn giản hóa 100%.

Năm 2022: Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC trên địa bàn tỉnh năm 2022. Tổng số TTHC cần rà soát, đơn giản hóa theo Kế hoạch: 975 TTHC (thuộc các lĩnh vực: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Tư pháp, Tài chính, Khoa học và Công nghệ) theo nhiệm vụ trọng tâm và có đề xuất phương án đơn giản hóa 05 TTHC thuộc các lĩnh vực (Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế). Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch rà soát, đơn giản hóa 100%.

Năm 2023: Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 09/02/2023 ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC trên địa bàn tỉnh năm 2023. Tổng số TTHC cần rà soát, đơn giản hóa theo Kế hoạch: 781 TTHC (thuộc các lĩnh vực: Xây dựng, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Ngoại vụ; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh) theo nhiệm vụ trọng tâm và có đề xuất phương án đơn giản hóa 31 TTHC thuộc các lĩnh vực (Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư). Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch rà soát, đơn giản hóa 100%.

Năm 2024: Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC trên địa bàn tỉnh năm 2024. Tổng số TTHC cần rà soát, đơn giản hóa theo Kế hoạch: 1.004 TTHC (thuộc các lĩnh vực: Y tế, Nội vụ, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Tài

nguyên và Môi trường) theo nhiệm vụ trọng tâm và có đề xuất phương án đơn giản hóa 27 TTHC thuộc các lĩnh vực (Y tế, Nội vụ, Tư pháp, Công Thương, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường). Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch rà soát, đơn giản hóa 100%.

Năm 2025: Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 13/02/2025 về rà soát, đánh giá TTHC trên địa bàn tỉnh năm 2025. Kế hoạch xác định rà soát theo nhiệm vụ trọng tâm đối với 09 lĩnh vực (Công Thương, Xây dựng, Thanh tra, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Y tế, Giáo dục và Đào tạo). Trong quý I năm 2025, Văn phòng UBND tỉnh đã phối hợp với các sở: Công Thương, Xây dựng, Thanh tra tỉnh rà soát, đánh giá đối với 226 TTHC, tham UBND tỉnh ban hành Quyết định thông qua 05 Phương án đơn giản hóa TTHC (Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 14/4/2025, Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 14/4/2025 của UBND tỉnh). Hiện đang thực hiện rà soát, đánh giá TTHC theo đúng kế hoạch.

Mặt khác, thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện đầu tư kinh doanh, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng trên địa bàn tỉnh, theo đúng tinh thần Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ, tỉnh Đắk Lắk đã bám sát nội dung, chương trình CCHC, cải cách TTHC của Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ và các bộ, ngành Trung ương, qua đó đã ban hành nhiều văn bản thực hiện, thường xuyên chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố đẩy mạnh công tác cải cách TTHC, chú trọng rà soát, kiên quyết cắt giảm những TTHC, điều kiện kinh doanh không còn phù hợp, được người dân, doanh nghiệp phản ánh, kiến nghị.

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên rà soát toàn bộ văn bản do cơ quan, đơn vị trình ban hành trong đó có quy định TTHC nội bộ theo quy định; thực hiện kiểm soát TTHC nội bộ ngay trong quá trình dự thảo văn bản pháp luật; rà soát, sửa đổi, bổ sung TTHC nội bộ trong quá trình sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL theo quy định; đồng thời, chủ động nghiên cứu, tham mưu đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh phương án đơn giản hóa đối với các TTHC nội bộ thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ quản lý ngành, lĩnh vực mà địa phương là đối tượng thực hiện và phối hợp chặt chẽ với các bộ, cơ quan trong quá trình rà soát, đơn giản hóa TTHC này để bảo đảm phương án cắt giảm, đơn giản hóa phù hợp, khả thi, đồng thời, tuyệt đối không ban hành quy định mới làm phát sinh chi phí, thủ tục, thời gian trái quy định hoặc không cần thiết cho công tác quản lý nhà nước, ảnh hưởng đến quyền lợi của doanh nghiệp, người dân¹⁶.

¹⁶ Kế hoạch số 184/KH-UBND ngày 16/4/2025 về thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 trên địa bàn tỉnh; Công văn số 4591/UBND-NVKS ngày 07/5/2025 về việc tập trung thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa TTHC theo Nghị quyết số 66/NQ-CP; Thực hiện Quyết định 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025; Công văn số 6828/VPCP-KSTT ngày 12/10/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn triển khai kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn

Số lượng TTHC nội bộ tỉnh Đắk Lắk đã công bố: 247 TTHC nội bộ (tại các Quyết định số 957/QĐ-UBND ngày 19/5/2023, 2772/QĐ-UBND ngày 01/11/2024, 3243/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND tỉnh). Ngày 27/12/2023, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2790/QĐ-UBND về phê duyệt Phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND tỉnh, gồm: 15 thủ tục được đơn giản hóa cắt giảm thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết TTHC nội bộ; bãi bỏ 09 TTHC nội bộ cấp tỉnh, cấp huyện.

Việc thực hiện phân cấp trong giải quyết TTHC: thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022, về phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ, thời gian qua, UBND tỉnh Đắk Lắk đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động rà soát, tham mưu phân cấp đối với các TTHC thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về phân cấp, ủy quyền, bảo đảm việc phân cấp phù hợp, khả thi nhằm giảm tầng nấc, khâu trung gian, tạo thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, thực hiện yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1104/TTg-KSTT ngày 25/8/2021 về việc triển khai xây dựng Đề án Phân cấp trong giải TTHC và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, UBND tỉnh Đắk Lắk thực hiện rà soát, đánh giá và đề xuất phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi rà soát: 2.945 TTHC; trong đó: Số TTHC đề nghị phân cấp: 592 TTHC (chiếm tỷ lệ 20,1%), số TTHC không đề nghị phân cấp: 2.353 TTHC¹⁷.

Việc đối thoại, tổ chức lấy ý kiến và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính: Tỉnh Đắk Lắk xác định việc đối thoại lấy ý kiến và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính là điều kiện tiên quyết giúp công tác CCHC được nâng cao hiệu quả và tạo điều kiện để người dân và doanh nghiệp tin tưởng vào công cuộc CCHC của tỉnh nói riêng và công cuộc CCHC của đất nước nói chung, vì vậy hàng năm UBND tỉnh giao cho các sở, ban, ngành và các cấp chính quyền địa phương định kỳ tổ chức đối thoại lấy ý kiến của người dân và tổ chức, từ đó có những đề xuất hiệu quả phù hợp, đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả của công cuộc CCHC, giai đoạn 2021 – 2025, toàn tỉnh đã tổ chức được 320 lượt lấy ý kiến, thu hút được trên 23 ngàn lượt ý kiến, trên cơ sở các ý kiến thiết thực các sở, ngành địa phương đã có những sáng kiến trong công tác CCHC như: Năm 2024, xuất phát từ thực tiễn khó khăn, vướng mắc trong công tác phối hợp quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh, Sở Nội vụ đã có sáng kiến tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (được ban hành kèm theo Quyết định số 46/2024/QĐ-UBND). Việc ban hành Quy chế phối hợp trong công

2022-2025, đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 (Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 09/12/2022) và các văn bản triển khai thực hiện.

¹⁷ Báo cáo số 287/BC-UBND ngày 16/11/2021 về tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá và đề xuất phương án phân cấp trong giải quyết TTHC.

tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh giúp khắc phục, giải quyết những vấn đề còn tồn tại, hạn chế trong công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc tham mưu UBND tỉnh quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo (Sở Nội vụ tham mưu); tham mưu UBND tỉnh tổ chức thành công Hội nghị đối thoại doanh nghiệp, hợp tác xã năm 2021, 2022, 2023, 2024, đề nghe ý kiến phản ánh, kiến nghị của các doanh nghiệp, hợp tác xã với mục đích tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần đưa nền kinh tế của tỉnh phát triển; tổ chức Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh năm 2022, 2023, 2024. Với mục đích kiến tạo và thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo vùng Tây Nguyên nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng; nhằm nâng cao nhận thức về đổi mới sáng tạo, khoa học và công nghệ, chuyển đổi số, xây dựng, kết nối và nâng cao năng lực các chủ thể của hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, từng bước hiện thực hóa khát vọng đưa Đắk Lắk phát triển nhanh, bền vững, định hình không gian sinh thái, bản sắc và kết nối sáng tạo...

c) Công khai TTHC theo quy định của Chính phủ. Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, Cổng dịch vụ công của tỉnh và khai thác, sử dụng Cổng dịch vụ công quốc gia

Tỉnh Đắk Lắk triển khai thực hiện kịp thời, đầy đủ việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh; tất cả UBND cấp huyện, cấp xã đã kiện toàn Bộ phận Một cửa; quán triệt tinh thần trách nhiệm của công chức trong thực thi nhiệm vụ, nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp. Các cơ quan, đơn vị đã chủ động triển khai quy định, ban hành quy chế hoạt động của Bộ phận Một cửa.

Tỉnh Đắk Lắk có 01 Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành; có 15/15 Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện, thực hiện tiếp nhận hồ sơ tất cả TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc liên thông giải quyết của UBND cấp huyện, một số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc liên thông giải quyết của các cơ quan được tổ chức theo hệ thống ngành dọc tại địa phương; có 180/180 Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã, thực hiện tiếp nhận hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và những TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện được giao tiếp nhận hồ sơ tại cấp xã.

Đối với các cơ quan, đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh: Hiện tại đã có 07/07 đơn vị thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông gồm: Kho bạc Nhà nước khu vực, Chi cục Thuế khu vực, Bảo hiểm xã hội khu vực, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Cục Hải quan khu vực, Ngân hàng Nhà nước khu vực và Công an tỉnh.

Hằng tháng, Chủ tịch UBND tỉnh giao Văn phòng UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 18/CT-UBND ngày 28/12/2016, Chỉ thị số 25/CT-UBND ngày 27/12/2023 về việc thực hiện nghiêm quy định xin lỗi bằng văn bản đối với hồ sơ TTHC quá hạn giải quyết trên địa bàn tỉnh và Chỉ thị số 08/CT-

UBND ngày 29/4/2020 về việc tăng cường sử dụng hiệu quả hệ thống iGate, dịch vụ công (DVC) trực tuyến. Theo đó, trong Báo cáo (phần Kiến nghị), Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên xuyên đôn đốc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phải thực hiện nghiêm túc việc giải quyết TTHC, việc xin lỗi khi giải quyết TTHC quá hạn, việc cập nhật hồ sơ TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, việc sử dụng DVC trực tuyến phải đảm bảo theo đúng chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Chỉ thị số 18/CT-UBND, Chỉ thị số 25/CT-UBND và 08/CT-UBND.

d) Việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có liên quan đến thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Nhằm thực hiện đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 3901/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 về việc ban hành Quy trình điện tử giải quyết TTHC trên hệ thống Dịch vụ hành chính công trực tuyến tích hợp Một Cửa điện tử liên thông tỉnh Đắk Lắk; Kế hoạch số 7201/KH-UBND ngày 02/8/2021 về thực hiện đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 2603/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 về việc ban hành quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận và giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp.

Bên cạnh đó, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (iGate) đã được nâng cấp đảm bảo đầy đủ yêu cầu về chức năng, hạ tầng để thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP. Đồng thời, tỉnh Đắk Lắk đã triển khai, hoàn thành kết nối Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng DVC quốc gia, phục vụ cho công tác số hóa kết quả giải quyết TTHC của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh, đảm bảo theo đúng yêu cầu tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

Đến nay, Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC tỉnh (*địa chỉ dichvucong.daklak.gov.vn*) cung cấp: 1.574 TTHC. Trong đó DVC trực tuyến toàn trình: 815, DVC trực tuyến một phần: 607, dịch vụ cung cấp thông tin: 152; tỷ lệ triển khai DVC toàn trình toàn trình của tỉnh đạt 100% TTHC đủ điều kiện cung cấp toàn trình.

Mặt khác, nhằm đảm bảo việc kết nối chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử được đồng bộ và hiệu quả theo đúng quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 10357/KH-UBND ngày 22/10/2021 triển khai hệ thống quản lý tài liệu điện tử tỉnh và số hóa kết quả

giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Kế hoạch số 10357/KH-UBND; Quyết định số 2160/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 về việc phê duyệt Dự án Số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực từ năm 2021 trở về trước đối với cấp tỉnh và đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực của cấp huyện, cấp xã từ năm 2021 trở về trước trên cơ sở đảm bảo đúng tiến độ, thời gian đề ra.

Thực hiện công khai, minh bạch đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về TTHC và quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC để người dân, doanh nghiệp tiếp cận, theo dõi, giám sát, đánh giá trong quá trình tổ chức thực hiện TTHC; UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành tiếp tục rà soát trình công bố danh mục TTHC được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; rà soát cập nhật, công khai đầy đủ các bộ phận cấu thành của TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo đúng quy định tại Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung).

Bên cạnh đó, tỉnh Đắk Lắk thường xuyên theo dõi kết quả trên Cổng DVC quốc gia về đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC, cung cấp DVC dựa trên dữ liệu theo thời gian thực theo quy định tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ; nâng cao chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng, trong đó tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm và công bố, công khai các CBCCVC, cơ quan, đơn vị để xảy ra chậm trễ, gây phiền hà, nhất là làm phát sinh thêm thủ tục, hồ sơ, giấy tờ, yêu cầu điều kiện không đúng quy định trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC; UBND tỉnh kiên quyết nhắc nhở, chấn chỉnh những bất hợp lý trong triển khai tiếp nhận, giải quyết TTHC cho người dân của các tổ chức cơ quan, đơn vị. Đồng thời, thông qua kết quả tổ chức thu thập ý kiến đánh giá của tổ chức, cá nhân về giải quyết TTHC tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp, UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý nghiêm đối với các CBCCVC, đơn vị để xảy ra chậm trễ, gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC.

e) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân về giải quyết TTHC

Trong thời gian qua, tỉnh Đắk Lắk thực hiện tốt công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính; tăng cường trách nhiệm giải trình, thực hiện tốt công tác đối thoại, tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính để kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc, bất cập cho người dân, doanh nghiệp. Chấm dứt tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, không xử lý hoặc kéo dài thời gian xử lý.

g) Công tác truyền thông và sáng kiến, mô hình, giải pháp cải cách TTHC

Công tác thông tin, tuyên truyền kiểm soát TTHC luôn được chú trọng, thường xuyên duy trì việc tuyên truyền cải cách TTHC, CCHC trên Báo Đắk Lắk, Cổng Thông tin điện tử của tỉnh... Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện

tiếp tục tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác CCHC trên Cổng/Trang Thông tin điện tử của ngành, địa phương.

UBND tỉnh đã ban hành và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao về đẩy mạnh cải cách TTHC gắn với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; khẩn trương thực hiện các đề án, dự án CCHC trọng tâm giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 như: Tiếp tục duy trì thủ tục đăng ký cấp Phiếu Lý lịch tư pháp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử (VNeID); làm sạch dữ liệu về lý lịch tư pháp, án tích, xóa án tích để đồng bộ, rút ngắn thời gian xử lý, cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho người dân; Số hóa kết quả giải quyết TTHC còn giá trị hiệu lực trên địa bàn tỉnh, lưu trữ trong kho dữ liệu và được tích hợp đồng bộ với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để phục vụ người dân tra cứu, tái sử dụng; Triển khai thử nghiệm cung cấp DVC, nhận kết quả thông qua Kiosk. Tích hợp, liên thông dữ liệu ví giấy tờ điện tử của công dân giữa ứng dụng VNeID và ứng dụng Đắc Lắc trực tuyến; Hỗ trợ, liên thông giải quyết thủ tục về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất giữa tổ chức hành nghề công chứng - Văn phòng đăng ký đất đai - Cơ quan Thuế thực hiện các TTHC lĩnh vực đất đai.

2.2. Những tồn tại hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại hạn chế

Tỉnh Đắc Lắc đã cung ứng tương đối đầy đủ DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, đã triển khai nhiều giải pháp, có chính sách (Nghị quyết của HĐND tỉnh) về giảm phí, lệ phí khi sử dụng DVC trực tuyến; tuy nhiên, kết quả vẫn chưa được như mong đợi, tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận và xử lý trực tuyến chưa cao, chưa đạt yêu cầu, kế hoạch đề ra.

Việc đầu tư kinh phí bảo đảm cho việc triển khai, thực hiện các nhiệm vụ CCHC, cải cách TTHC và hiện đại hóa nền hành chính chưa tương xứng với yêu cầu đề ra.

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã được triển khai trên toàn tỉnh để phục vụ người dân và doanh nghiệp, hệ thống cũng đã đồng bộ hồ sơ với Cổng DVC Quốc gia. Tuy nhiên, việc thực hiện kết nối liên thông, đồng bộ trạng thái xử lý TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với một số DVC của các bộ, ngành vẫn chưa hoàn thiện, dẫn đến cùng một thông tin, cán bộ, công chức cấp xã, cấp huyện và cấp tỉnh phải cập nhật trên nhiều phần mềm; tỷ lệ hồ sơ đồng bộ giữa Hệ thống iGate với Cổng DVC quốc gia chưa đạt 100%.

b) Nguyên nhân

Đắc Lắc là một tỉnh miền núi, biên giới, điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn; quy mô nền kinh tế nhỏ, nguồn lực còn hạn hẹp; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tuy được đầu tư nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển; thiếu mặt bằng để thu hút đầu tư; trình độ, chất lượng nguồn nhân lực, thu nhập bình đầu quân đầu người còn thấp; đời sống Nhân dân nhiều khu vực đặc biệt một số xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn gặp nhiều khó khăn, trình độ dân trí của một số công dân còn thấp, còn một bộ phận không

biết tiếng phổ thông hoặc chưa học hết cấp một, tình hình dân di cư tự do vẫn có dấu hiệu phức tạp. Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định, tuy nhiên tình trạng tranh chấp, khiếu kiện vẫn tiềm ẩn nhiều phức tạp; tình trạng khai man, giả mạo hồ sơ để được đăng ký thường trú, cấp định danh cá nhân vẫn còn xảy ra... trong bối cảnh tình hình đó sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến công tác CCHC nói chung, đến việc triển khai cải cách TTHC nói riêng. Vì vậy, đòi hỏi cấp ủy, chính quyền các cấp phải quyết tâm nỗ lực cao hơn nữa, chủ động linh hoạt, quyết tâm phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ đã được đề ra.

Năng lực xử lý TTHC trên nền tảng số của một bộ phận CBCCVC chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Bên cạnh đó, địa phương gặp một số khó khăn nhất định về nguồn kinh phí bố trí để nâng cấp các trang thiết bị nhằm đáp ứng đúng yêu cầu trong đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, công tác cải cách TTHC.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

3.1 Kết quả chủ yếu đạt được

Cải cách tổ chức bộ máy hành chính được tỉnh Đắk Lắk qua tâm chú trọng, xuất phát từ tình hình thực tế, muốn CCHC thành công, việc đầu tiên cần có một bộ máy tinh gọn, hiệu quả, phát huy tối đa vai trò của từng cá nhân, gắn với trách nhiệm người đứng đầu bộ máy; do đó, tỉnh đã cụ thể hoá, thể chế hoá chủ trương, nghị quyết, kết luận của Đảng về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy; rà soát, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, mối quan hệ công tác giữa các tổ chức, đơn vị; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức; việc thực hiện phân cấp, phân quyền

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị bám sát định hướng sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy theo yêu cầu của Nghị quyết số 18-NQ/TW, yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Kế hoạch số 251-KH/TU ngày 12/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổng kết và tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, để triển khai thực hiện.

Xác định rõ nội dung, công việc, thời gian hoàn thành, trách nhiệm của từng tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình sắp xếp tinh gọn bộ máy phải được tiến hành với tinh thần khẩn trương, trách nhiệm, quyết tâm cao, đồng bộ, thống nhất, tiết kiệm và hiệu quả; kịp thời đôn đốc, hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để bảo đảm thời gian, chất lượng và hiệu quả theo yêu cầu.

Tập trung thực hiện hiệu quả và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được thông suốt trong quá trình sắp xếp tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế.

Thành lập các Tổ chỉ đạo và Bộ phận giúp việc xây dựng Đề án.

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của UBND, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện

UBND tỉnh đã triển khai đồng bộ, hiệu quả theo đúng nội dung đề ra tại Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về kế hoạch định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ và Kế hoạch số 251-KH/TU ngày 12/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổng kết và tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW đảm bảo việc sắp xếp, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả” nhằm phát huy và sử dụng tối ưu nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị, địa phương, cụ thể:

Sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức bên trong các cơ quan, đơn vị theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương, phân đầu giảm tối thiểu 15% đầu mỗi tổ chức bên trong, không bao gồm các tổ chức thuộc diện hợp nhất, sáp nhập do trùng lặp chức năng, nhiệm vụ khi thực hiện phương án hợp nhất, tổ chức lại, như bộ phận văn phòng, thanh tra.

Sáp nhập, hợp nhất, kết thúc nhiệm vụ một số cơ quan, đơn vị tương ứng với phương án sắp xếp bộ, ngành của Chính phủ; các Phòng chuyên môn và tương đương thuộc Sở và phòng chuyên môn cấp huyện sau khi sắp xếp phải xác định rõ chức năng, nhiệm vụ tham mưu quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực và bảo đảm về số lượng biên chế tối thiểu theo quy định pháp luật.

Thực hiện Công văn số 24/CV-BCĐTKNQ18 ngày 18/12/2024 của Ban Chỉ đạo tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18/NQ-TW của Chính phủ về định hướng, gợi ý một số nội dung về sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện; Công văn số 05/CV-BCĐTKNQ18 ngày 12/01/2025 của Ban Chỉ đạo tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18/NQ-TW của Chính phủ hoàn thiện phương án sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện; căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, UBND tỉnh đã hoàn thành Đề án thành lập, hợp nhất, giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và đã được HĐND tỉnh quyết định.

Sau khi sắp xếp, tổ chức lại, giải thể; tổng số cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh là 13 cơ quan, (giảm 06 sở so với trước khi sắp xếp), cụ thể gồm: (1) Sở Tài chính, (2) Sở Xây dựng, (3) Sở Nông nghiệp và Môi trường, (4) Sở Khoa học và Công nghệ, (5) Sở Nội vụ, (6) Sở Y tế, (7) Sở Giáo dục và Đào tạo, (8) Sở Công Thương, (9) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, (10) Sở Tư Pháp, (11) Thanh tra tỉnh, (12) Sở Dân tộc và Tôn giáo, (13) Văn phòng UBND tỉnh và 02 cơ quan tương đương cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh là Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và HĐND tỉnh và Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, đạt tỷ lệ giảm 31,57% (không bao gồm Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và HĐND tỉnh và Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh).

** Về cơ cấu tổ chức các sở ngành và tương đương thuộc tỉnh trước khi sắp xếp*

Tổng số lượng cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn đến ngày 31/12/2024, gồm 129 tổ chức bên trong:

- + Văn phòng: 16 đơn vị;
- + Thanh tra: 15 đơn vị;
- + Phòng chuyên môn, nghiệp vụ: 84 đơn vị;
- + Chi cục và tương đương: 14 đơn vị;
- Đơn vị sự nghiệp công lập: 127 đơn vị;

** Cơ cấu tổ chức các sở ngành và tương đương thuộc tỉnh sau khi sắp xếp*

100% các cơ quan hành chính thực hiện sắp xếp, tổ chức lại theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP. Sau sắp xếp tổ chức lại cơ cấu tổ chức bên trong các sở ngành còn lại 99 tổ chức bên trong, giảm 30/135 đầu mối hành chính, đạt tỷ lệ 22,22%, cụ thể:

- + Văn phòng: 12 đơn vị, giảm 04;
- + Thanh tra: 10 đơn vị, giảm 05;
- + Phòng chuyên môn, nghiệp vụ: 65 đơn vị, giảm 19;
- + Chi cục và tương đương: 12 đơn vị, giảm 02
- Đơn vị sự nghiệp công lập: 118 đơn vị, giảm 09 đơn vị, đạt tỷ lệ 7,09%,

** Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện*

Trên cơ sở văn bản hướng dẫn, chỉ đạo từ trung ương đến UBND tỉnh và các cấp ngành có liên quan: Ủy ban nhân tỉnh đã ban hành Công văn số 12032/UBND-TH ngày 20/12/2024 của UBND tỉnh về việc sắp xếp, tổ chức bộ máy các cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện; Công văn số 223/UBND-TH ngày 07/01/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc khẩn trương thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo chỉ đạo của Trưởng Ban chỉ đạo tổng kết và tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; Công văn số 907/UBND-TH ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc tiến độ hoàn thành việc sắp xếp, tổ chức bộ máy các cơ quan thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

UBND cấp huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xây dựng dự thảo Đề án UBND huyện hoàn thiện và ban hành Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, trình HĐND huyện xem xét, thành lập, hợp nhất các cơ quan theo đúng trình tự, thẩm quyền quy định pháp luật.

Tính đến 20/02/2025, UBND cấp huyện đã hoàn thành Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện. Sau khi thành lập, giải thể các cơ quan chuyên môn trực thuộc, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện còn lại 150 phòng chuyên môn, giảm 35 phòng chuyên môn (10 phòng chuyên môn/ 01 huyện, thị xã, thành phố), gồm: (1) Phòng Tư pháp; (2) Phòng Tài chính - Kế hoạch; (3) Thanh tra huyện; (4) Văn phòng HĐND và UBND; (5) Phòng Giáo dục và Đào tạo; (6) Phòng Nội vụ; (7) Phòng Dân tộc và Tôn giáo;

(8) Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; (9) Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin; (10) Phòng Nông nghiệp và Môi trường, đạt tỷ lệ 18,92%.

** Đối với các đơn vị sự nghiệp:*

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ CBCCVC; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định của pháp luật về tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp, theo đó, quy định việc sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập của từng ngành, lĩnh vực theo nguyên tắc: (1) Pháp luật chuyên ngành không quy định việc thành lập tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp công lập; (2) Trường hợp cần thiết phải thành lập mới đơn vị sự nghiệp công lập, thì đơn vị đó phải tự bảo đảm toàn bộ về tài chính (trừ trường hợp phải thành lập mới để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu); (3) Một đơn vị sự nghiệp công lập có thể cung ứng nhiều dịch vụ sự nghiệp công cùng loại nhằm giảm mạnh đầu mối, khắc phục chồng chéo, dàn trải, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ; (4) Cơ cấu lại hoặc giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động không hiệu quả; (5) Đẩy mạnh xã hội hoá, chuyển các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác đủ điều kiện thành công ty cổ phần.

Theo đó, trong giai đoạn từ năm 2021 đến 31/3/2025, tỉnh Đắk Lắk đã thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các ĐVSNNCL theo quy định và giảm được 74 ĐVSNNCL. Như vậy, tính đến 31/3/2025, tổng số lượng các ĐVSNNCL thuộc phạm vi quản lý của địa phương là: 1.042 đơn vị (Năm 2021 là 1.116 đơn vị), trong đó:

- ĐVSNNCL thuộc UBND tỉnh: 07 đơn vị.
- ĐVSNNCL thuộc các Sở, ban, ngành: 119 đơn vị.
- ĐVSNNCL thuộc UBND cấp huyện: 916 đơn vị.

** Về định biên số lượng biên chế công chức, viên chức*

Tổng số biên chế công chức đã giao năm 2025 là 2.880 biên chế, giảm 40 biên chế công chức so với năm 2024.

- Biên chế giao các Sở ngành cấp tỉnh: 1.362 (giảm 20 biên chế);

Các sở ngành được thành lập, hợp nhất, giải thể: trước mắt giao theo tổng số biên chế của các sở ngành trước khi hợp nhất trừ đi tỷ lệ tinh giản biên chế năm 2025 của các đơn vị.

- Biên chế giao Đội công tác phát động quần chúng tỉnh: 16 (giữ nguyên);
- Biên chế giao UBND các huyện, thị xã, thành phố: 1.414 (giảm 17 biên chế);
- Biên chế Đội công tác phát động quần chúng cấp huyện: 82, giữ nguyên so với năm 2024;

- Biên chế dự phòng: 06, (giảm 03 biên chế) để giao bổ sung các đơn vị do giao thêm nhiệm vụ và đảm bảo Kế hoạch tinh giản biên chế năm 2026.

Số công chức tính đến ngày 31/3/2025: Các cơ quan, đơn vị đã tuyển dụng và sử dụng 2.623 biên chế, còn lại 251 biên chế (chưa tuyển dụng tại thời điểm báo cáo), trong đó:

- Biên chế công chức thuộc các sở ngành và tương đương cấp tỉnh đã thực hiện đến 31/3/2025 là 1.290 biên chế, còn lại 88 biên chế;

- Biên chế công chức thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện đến 31/3/2025 là: 1.333 công chức, còn lại 163 biên chế;

Tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên là 35.822 người, giảm 813 người so với năm 2024, cụ thể:

- Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 29.687 người, (giảm 699 biên chế).

- Sự nghiệp y tế: 4.356 người, (giảm 78 biên chế).

- Sự nghiệp khác: 1.779 người, (giảm 36 biên chế).

Bổ sung biên chế giáo viên cho Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Số bổ sung năm học 2022-2023: 243 biên chế (đã bổ sung tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND của HĐND tỉnh).

- Số bổ sung năm học 2023-2024: 415 biên chế (đã bổ sung tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 03/5/2024 của HĐND tỉnh).

- Số bổ sung năm học 2024-2025: 113 biên chế.

Như vậy, tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2025 trình HĐND tỉnh phê duyệt là: $35.822 + 243 + 415 + 113 = 36.593$ người.

Tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên có mặt đến 30/3/2025 là 34.368 người, còn lại là 2.225 biên chế, cụ thể:

- Viên chức thuộc cấp tỉnh hiện có là 8.730 viên chức, còn lại 1060 biên chế, trong đó thuộc sự nghiệp y tế là 739 biên chế và sự nghiệp giáo dục là 151 biên chế (đang tổ chức tuyển dụng).

- Viên chức thuộc UBND cấp huyện hiện có là 25.638 viên chức, còn lại 1.165 biên chế, thuộc sự nghiệp giáo dục, hiện nay các đơn vị đang tổ chức tuyển dụng và hợp đồng lao động.

** Kết quả thực hiện sắp xếp, tổ chức lại, thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thôn, tổ dân phố:*

Năm 2021, tỉnh Đắk Lắk có 15 ĐVHC cấp huyện (trong đó: có 01 thành phố, 01 thị xã và 13 huyện); 184 ĐVHC cấp xã (trong đó: có 20 phường, 13 thị

trần và 151 xã); có 2.199 thôn, buôn, tổ dân phố (trong đó: 1.341 thôn, 556 buôn và 302 tổ dân phố).

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, của Trung ương và của tỉnh về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và địa phương rà soát xây dựng kế hoạch, phương án, Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã đảm bảo theo quy định; ngày 28/9/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 1193/NQ-UBTVQH15 về việc về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2023 – 2025; theo đó, giảm 04 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: xã Ea Blang, thị xã Buôn Hồ; xã Hòa Tân, huyện Krông Bông; phường Thống Nhất và phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột. theo đó, tỉnh Đắk Lắk giảm 04 ĐVHC cấp xã (gồm 02 xã, 02 phường), từ 184 ĐVHC cấp xã (20 phường, 13 thị trấn và 151 xã) xuống còn 180 ĐVHC cấp xã (149 xã, 18 phường, 13 thị trấn).

Đến năm 2025, thực hiện các văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, của Trung ương về sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương cấp 2; theo đó, việc triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh giữa tỉnh Đắk Lắk - Phú Yên và sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đắk Lắk đã được thực hiện đảm bảo tiến độ đúng quy định. Hiện nay, đã được Bộ Nội vụ thẩm định và Chính phủ đã thông qua và trình cấp có thẩm quyền, xem xét, quyết định về hồ sơ Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, xã của tỉnh Đắk Lắk, dự kiến, sau sắp xếp, tỉnh Đắk Lắk hiện nay còn 68 ĐVHC cấp xã, giảm 112 ĐVHC cấp xã so với trước khi sắp xếp (đạt tỷ lệ 62,22%); tỉnh Phú Yên hiện nay còn 34 ĐVHC cấp xã, giảm 72 ĐVHC cấp xã so với trước khi sắp xếp (đạt tỷ lệ 67,92%).

Về thực hiện sáp nhập thôn, buôn, tổ dân phố, giải thể và thành lập thôn mới thuộc các xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được thực hiện theo đúng quy định; đến nay, tỉnh Đắk Lắk còn 2.198 thôn, buôn, tổ dân phố (trong đó: 1.340 thôn, 556 buôn và 302 tổ dân phố).

b) Về phân cấp quản lý:

Giai đoạn 2021 – 2025 tỉnh Đắk Lắk thực hiện tốt công tác phân cấp quản lý công chức, viên chức theo đúng quy định tại Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp quản lý CBCCVC thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND); thực hiện tốt công tác phân cấp quản lý về đầu tư, ngân sách đúng quy định. Sở đã ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch số 86/KH-SNV ngày 07/8/2024 về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 09/5/2024 của UBND tỉnh về việc triển khai Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 10/10/2023 của HĐND tỉnh về việc thông qua Đề án đẩy mạnh phân cấp đối với UBND cấp huyện, cấp xã và cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh. Việc thực hiện phân cấp quản lý theo đúng quy định của UBND tỉnh, phân công trách nhiệm thực hiện theo nguyên tắc hiệu quả và rõ trách nhiệm, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.

c) Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các đơn vị

Hàng năm trên cơ sở Quyết định số 3478/QĐ-UBND của UBND tỉnh và nhiệm vụ được giao đối với các đơn vị UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho các sở ngành, địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra tình hình tổ chức hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan và các đơn vị thuộc, trực thuộc lồng ghép trong kiểm tra kết quả thực hiện công tác CCHC hàng năm 2023, 2024¹⁸ (tỉ lệ kiểm tra trên 30% tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc). Kết quả đã hoàn thành 100% kế hoạch đề ra hàng năm. Qua kiểm tra, Tổ Kiểm tra đã chỉ ra những ưu điểm, hạn chế của các cơ quan, đơn vị được kiểm tra; kiến nghị các nội dung cần thực hiện để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong thời gian tiếp theo.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

Triển khai thực hiện Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức, Sở Nội vụ đã tham mưu triển khai hướng dẫn việc xây dựng Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCCL) trên địa bàn tỉnh. Năm 2024, đã tham mưu UBND tỉnh hoàn thành 100% việc phê duyệt đề án của các cơ quan, đơn vị đã được ban hành chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức. Hiện, nay, tiếp tục phê duyệt đề án vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị mới thực hiện sáp nhập, cơ cấu lại tổ chức bộ máy sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức.

** Việc thực hiện đổi mới công tác quản lý CBCCVC của tỉnh, kỷ luật kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ: công tác tuyển dụng; thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo nguyên tắc cạnh tranh:*

UBND tỉnh thực hiện tốt công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ CBCCVC. Công tác tuyển dụng và thăng hạng, nâng ngạch cho công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định.

Năm 2022, UBND tỉnh tổ chức tuyển dụng công chức đối với người được cử đi học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp với 16 thí sinh trúng tuyển. Năm 2023, UBND tỉnh tổ chức kỳ thi tuyển dụng công chức tỉnh Đắk Lắk với 151 thí sinh trúng tuyển. Từ năm 2021 đến nay, UBND tỉnh đã tổ chức các kỳ kiểm tra sát hạch tiếp nhận vào làm công chức với 147 trường hợp được tiếp nhận. Đối với tuyển dụng viên chức, Giám đốc Sở Nội vụ quyết định công nhận kết quả các kỳ tuyển dụng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh với 3.481 trường hợp trúng tuyển.

¹⁸ Kế hoạch số 164/KH-SNV ngày 29/12/2022 về kiểm tra kết quả thực hiện CCHC, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, công tác văn thư lưu trữ năm 2023; Kế hoạch số 201/KH-SNV ngày 28/12/2023 về kiểm tra kết quả thực hiện CCHC, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, công tác văn thư lưu trữ năm 2024.

Năm 2021, UBND tỉnh tổ chức thành công kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính và người làm việc tại Hội có tính chất đặc thù lên chuyên viên chính của tỉnh và bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên chính đối với 209 công chức, viên chức. Năm 2022, UBND tỉnh tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên và tương đương với 156 công chức, viên chức có kết quả đạt.

Thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý: Từ năm 2021 đến nay, không có trường hợp nào thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý.

** Chính sách thu hút người tài vào bộ máy hành chính:*

Triển khai Kế hoạch số 4753/KH-UBND ngày 03/06/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ, Sở Nội vụ đã ban hành nhiều văn bản gửi các cơ quan, đơn vị để đăng ký nhu cầu thu hút nhân tài trong các lĩnh vực về công tác tại đơn vị. Tuy nhiên, không có cơ quan, đơn vị nào có nhu cầu thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

** Công tác đánh giá, phân loại CBCCV:*

Triển khai thực hiện Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, phân loại CBCCV, Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020. UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định về phân cấp quản lý CBCCV thuộc UBND tỉnh; công văn triển khai đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCV hàng năm và quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCV theo tháng; Hướng dẫn tỷ lệ xếp loại chất lượng “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” trong cùng cơ quan, đơn vị và đối với từng nhóm đối tượng có nhiệm vụ tương đồng. Trên cơ sở đó thủ trưởng các cơ quan, đơn vị đã tổ chức hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc triển khai đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCV và người lao động hàng năm đảm bảo theo quy định. Nhìn chung, công tác đánh giá, phân loại CBCCV đã đi vào nề nếp, đã căn cứ vào kết quả, hiệu quả hoạt động và công tác của cơ quan, đơn vị và công chức, viên chức, người lao động; đảm bảo thực hiện nguyên tắc khách quan, công bằng, tập trung dân chủ và đúng trình tự, thủ tục quy định.

** Kết quả kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của CBCCV*

Thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ, về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp. UBND tỉnh chỉ đạo Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và CBCCV, người lao động trong các cơ quan hành chính Nhà nước nghiêm túc triển khai nội dung Chỉ thị số 26/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Các cơ quan đơn vị đã triển khai thực hiện nhằm tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ và đạo đức nghề nghiệp; từng bước

xây dựng đội ngũ CBCCVC có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân và sự phát triển của tỉnh.

Căn cứ Công điện số 968/CD-TTg ngày 16/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước. UBND tỉnh ban hành Công văn số 9302/UBND-TH ngày 25/10/2023 về tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Công văn số 9515/UBND-TH ngày 31/10/2023 về chấn chỉnh, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giám sát hoạt động công vụ và Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 08/11/2024 về việc tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường công tác kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh, qua đó đã kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, phát hiện và xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân vi phạm pháp luật, vi phạm quyền nghĩa vụ của công chức, viên chức, năng lực yếu, không dám làm, né tránh, đùn đẩy, làm việc cầm chừng, sợ trách nhiệm, đề tri trệ và không đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Tăng cường giám sát, kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Nhìn chung, kỷ luật, kỷ cương hành chính đã đi vào nền nếp, công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động công vụ của UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị đã được thực hiện thường xuyên, đã góp phần nâng cao chất lượng hoạt động công vụ trên địa bàn tỉnh.

** Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC:*

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC.

Hàng năm, UBND tỉnh quyết định ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC và triển khai thực hiện đảm bảo theo kế hoạch đề ra. Sở Nội vụ phối hợp với các Trường, Học viện, Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng tổng hợp và đề xuất nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của CBCCVC tại địa phương¹⁹ và tổ chức thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng theo quy định. Nhìn chung, việc đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC đảm bảo được nhiệm vụ trước mắt, cũng như đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm theo đúng quy định.

** Áp dụng CNTT, các mô hình, phương pháp, công nghệ hiện đại trong quản lý đội ngũ CBCCVC:*

¹⁹ Tổ chức các lớp bồi dưỡng như: Lớp Bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý cấp phòng; Lớp Bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên; Lớp Bồi dưỡng kiến thức về hội nhập quốc tế và chuyển đổi số; Lớp Bồi dưỡng kỹ năng quản lý công chức, viên chức; Lớp Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối tượng 3; Lớp Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối tượng 4; Lớp bồi dưỡng xây dựng vị trí việc làm đối với công chức năm 2024; Lớp bồi dưỡng xây dựng vị trí việc làm đối với viên chức năm 2024; Lớp Bồi dưỡng về hướng dẫn thực hiện chế độ tài chính, kế toán dành cho chủ tài khoản, kế toán trưởng và người làm công tác kế toán tại đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; Lớp bồi dưỡng về an ninh, an toàn thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (Phụ lục số VI)...

Thực hiện quy định về quản lý hồ sơ CBCCVC, tỉnh Đắk Lắk đã thống nhất chủ trương để Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng phần mềm quản lý hồ sơ CBCCVC trong toàn tỉnh để phục vụ công tác quản lý, tra cứu hồ sơ và thông kê báo cáo về số lượng, chất lượng CBCCVC.

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC trong các cơ quan nhà nước và Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk đã phối hợp Trung tâm CNTT - Truyền thông Đà Nẵng, Sở Thông tin và Truyền thông hoàn thành việc nâng cấp phần mềm đảm bảo 109 trường dữ liệu đảm bảo kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC theo yêu cầu. Đến nay đã đảm bảo đồng bộ 100% hồ sơ CBCCVC của toàn tỉnh.

4.2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

a) Những hạn chế:

Công tác nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, đặc biệt là việc xét thăng hạng cho viên chức giáo dục mầm non còn chậm, chưa được kịp thời; trong quá trình thực thi công vụ của một số cán bộ, công chức và hoạt động nghề nghiệp của viên chức tại các sở, ngành và các huyện trong những năm qua còn dễ xảy ra sai phạm theo các kết luận thanh tra.

b) Nguyên nhân:

Việc xây dựng đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức chưa đồng bộ với sự thay đổi của tổ chức, bộ máy các cơ quan, đơn vị, dẫn đến khó khăn trong công tác nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức; mặt khác UBND cấp huyện đã được UBND tỉnh phân cấp, ủy quyền trong việc xét thăng hạng nhưng chưa làm hết trách nhiệm của mình, dễ xảy ra chậm trễ.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách, cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập

** Đối với cơ quan hành chính*

Qua triển khai thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ đã mang lại tính hiệu quả và thiết thực, các đơn vị đã thật sự nắm rõ cách thức quản lý, điều hành đối với dự toán được giao tự chủ cho đơn vị mình. Qua đó đã nâng cao được tính chủ động trong việc sử dụng biên chế và kinh phí được giao, tổ chức và sắp xếp công việc một cách khoa học trên cơ sở vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Từ kết quả thực hiện chế độ tự chủ về tài chính hầu hết các đơn vị đã chủ động được trong việc trang bị máy móc, cơ sở vật chất đảm bảo tiết kiệm và phục vụ tốt nhất về

điều kiện làm việc cho cán bộ, công chức trong đơn vị. Bên cạnh đó, Thủ trưởng các đơn vị đã bố trí sử dụng biên chế và quản lý chi tiêu một cách hợp lý, tiết kiệm, tạo được nguồn tăng thu nhập, góp phần cải thiện một phần đời sống của cán bộ, công chức và người lao động trong đơn vị mình, nhất là trong điều kiện lương cán bộ, công chức thấp và giá cả các mặt hàng tăng cao như hiện nay.

Về xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công: 100% đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính đã thực hiện xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ để làm cơ sở triển khai thực hiện; đồng thời hàng năm luôn có sự sửa đổi, bổ sung phù hợp với các quy định mới cũng như thực tế tại đơn vị. Đối với quy chế quản lý tài sản công, còn một số đơn vị chưa thực hiện xây dựng quy chế riêng, nhưng khi xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ các đơn vị đều có những nội dung ràng buộc về sử dụng quản lý tài sản của đơn vị mình đảm bảo hiệu quả; trong quá trình xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, các đơn vị đều đã căn cứ vào các cơ sở pháp lý quy định về chế độ, định mức do Trung ương hoặc địa phương quy định như tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị và phương tiện làm việc, chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị, chế độ tiếp khách...; thường xuyên rà soát, cập nhật các chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Tính đến năm 2024, toàn tỉnh có 331 cơ quan hành chính (*trong đó khối huyện, thị xã thành phố là: 259 đơn vị, khối tỉnh là: 72 đơn vị*) thực hiện tự chủ về tài chính theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí tại các cơ quan hành chính nhà nước, đạt 100%. Nhìn chung, các đơn vị hành chính nhà nước đều tiết kiệm được kinh phí tự chủ, ngoài ra một số đơn vị có thực hiện các khoản thu phí, thu viện trợ và các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật nên các đơn vị chủ động sắp xếp, điều hành kinh phí giao tự chủ lồng ghép với nguồn kinh phí được phép để lại nêu trên góp phần làm tăng nguồn tiết kiệm chi, nâng mức thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức trong đơn vị để chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ công chức cơ quan. Đơn vị có số tiết kiệm nhiều nhất: khối huyện, thị xã thành phố Buôn Ma Thuột có đơn vị tiết kiệm: 520.000 đồng/người/tháng; khối tỉnh là 459.000đ/người/tháng.

Nhiều đơn vị đã có những sáng kiến hay trong quá trình xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ như Sở Xây dựng, Sở Ngoại vụ, Sở Tư pháp và một số đơn vị khác thực hiện mức chi công tác phí đi công tác trong và ngoài tỉnh thấp hơn mức quy định để dành nguồn tăng thu nhập cho người lao động. Các đơn vị đã thực hiện tốt việc phân phối kết quả tài chính theo các quy định hiện hành.

** Đối với đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)*

Việc đổi mới cơ chế hoạt động của đơn vị SNCL trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2021-2025 được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 và Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về “Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”; Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 24/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh CCHC giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; trên địa bàn tỉnh đã triển khai, thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại đơn vị SNCL giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh như sau:

Năm 2021, số lượng đơn vị SNCL là 1.116 đơn vị, cụ thể: Đơn vị SNCL tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1): 0 đơn vị; Đơn vị SNCL tự đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 2): 25 đơn vị; Đơn vị SNCL đảm bảo 01 phần chi thường xuyên (nhóm 3): 127 đơn vị; Đơn vị SNCL do NSNN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên (nhóm 4): 964 đơn vị.

Đến nay, toàn tỉnh có 1.042 đơn vị SNCL, giảm 74 đơn vị so với năm 2021, cụ thể: Đơn vị SNCL tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1): 3 đơn vị; Đơn vị SNCL tự đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 2): 32 đơn vị; Đơn vị SNCL đảm bảo 01 phần chi thường xuyên (nhóm 3): 106 đơn vị; Đơn vị SNCL do NSNN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên (nhóm 4): 901 đơn vị.

Qua công tác rà soát, tổ chức sắp xếp các đơn vị SNCL giai đoạn 2021 - 2025, đã rà soát thực hiện việc giảm chi trực tiếp hỗ trợ từ NSNN đối với các đơn vị SNCL cấp tỉnh với tổng số tiền là 139.209 triệu đồng (Giảm chi do thực hiện cơ chế giá dịch vụ khám chữa bệnh theo Thông tư số 39/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ Y tế; Giảm chi do sắp xếp bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về “Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”; Giảm 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN đối với các đơn vị SNCL theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Giảm chi do giảm biên chế của các đơn vị SNCL ...), cụ thể số giảm chi năm 2021 là 254 tỷ đồng, năm 2022 là 385 tỷ đồng, năm 2023 là 346 tỷ đồng và năm 2024 là 326 tỷ đồng. Phần NSNN giảm chi được bổ sung vào nguồn chi trả các chính sách an sinh xã hội, tăng chi cho các nhiệm vụ tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị của địa phương.

Nhìn chung việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị SNCL từ tỉnh đến cơ sở được sắp xếp theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối; chức năng, nhiệm vụ được rà soát, điều chỉnh đảm bảo hợp lý, khắc phục được tình trạng trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý. Hiệu quả hoạt động của các đơn vị được nâng lên, từng bước thực hiện tự chủ về tài chính, phù hợp với tình hình thực tiễn của đơn vị, địa phương. Các đơn vị có tiết kiệm được kinh phí để chi lập các quỹ, trích nguồn cải cách tiền lương và chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị.

b) Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa

Hoàn thiện các chính sách ưu đãi khuyến khích xã hội hóa (XHH) cung ứng dịch vụ sự nghiệp công: Rà soát, tham mưu cấp thẩm quyền xem xét, sửa

đổi, đơn giản hoá các TTHC liên quan đến việc thành lập các cơ sở ngoài công lập, giao đất, hỗ trợ giải phóng mặt bằng... thuộc thẩm quyền của địa phương, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở cung ứng dịch vụ sự nghiệp công ngoài công lập được thành lập và hoạt động có hiệu quả; bảo đảm không phát sinh hoặc làm phức tạp thêm TTHC đang áp dụng; tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ các nguồn viện trợ nhằm đẩy mạnh XHH cung ứng dịch vụ giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ; rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền sửa đổi cơ chế, chính sách để khu vực tư bình đẳng với các doanh nghiệp, đơn vị thuộc nhà nước trong khả năng tiếp cận các nguồn lực trên thị trường.

Về danh mục và lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công: Đã thực hiện rà soát, hoàn thiện và tham mưu, trình cấp có thẩm quyền ban hành các danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo nguyên tắc: Nhà nước đảm bảo kinh phí đối với các dịch vụ thiết yếu, hỗ trợ kinh phí đối với các dịch vụ cơ bản; các dịch vụ công khác không sử dụng kinh phí NSNN, xác định giá theo cơ chế thị trường, đơn vị được quyết định các khoản thu, mức thu bảo đảm bù đắp chi phí hợp lý, có tích lũy để thu hút nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế ngoài công lập tham gia cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; thực hiện cơ chế đặt hàng hoặc đấu thầu theo quy định của pháp luật đối với các dịch vụ mang tính đặc thù của một số ngành, lĩnh vực để tạo điều kiện cho các cơ sở ngoài công lập cùng tham gia.

Có giải pháp đẩy nhanh tiến độ trình cấp có thẩm quyền ban hành định mức kinh tế kỹ thuật (KTKT), ban hành đơn giá sản phẩm, giá dịch vụ sự nghiệp công; tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc phạm vi, lĩnh vực của ngành mình quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ. Chủ động nghiên cứu việc thuê chuyên gia tư vấn để thực hiện việc xây dựng định mức KTKT, đơn giá, giá sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công mang tính chất phức tạp.

Sắp xếp, tổ chức lại các ĐVSNCL và hoàn thiện cơ chế khuyến khích XHH tại các ĐVSNCL: Xây dựng hoặc hoàn thiện phương án sắp xếp, tổ chức lại ĐVSNCL của từng ngành, lĩnh vực, địa phương để báo cáo cấp có thẩm quyền kế hoạch thực hiện theo nguyên tắc: Đẩy mạnh việc chuyển đổi các ĐVSNCL sang hoạt động theo hình thức tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động (đăng ký chỉ tiêu cụ thể số lượng đơn vị chuyển đổi và các giải pháp thực hiện trên cơ sở phân loại khả năng XHH của các ĐVSNCL cung cấp dịch vụ sự nghiệp công), kiên quyết chuyển sang cơ chế tự bảo đảm hoàn toàn về tài chính đối với nhóm các ĐVSNCL cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công có khả năng XHH cao trên cơ sở Nhà nước thực hiện lộ trình bảo đảm kinh phí hoạt động có thời hạn; Trường hợp cần thiết phải thành lập mới ĐVSNCL, thì đơn vị đó phải tự bảo đảm toàn bộ về tài chính (trừ trường hợp phải thành lập mới để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu); (iii) Đẩy mạnh XHH, chuyển các ĐVSN kinh tế và sự nghiệp khác đủ điều kiện thành công ty cổ phần...

5.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại hạn chế

Công tác tuyên truyền, quán triệt về cơ chế, chính sách chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục và đầy đủ; nhiều đơn vị còn trông chờ vào sự bao cấp của Nhà nước.

Định mức giao khoán kinh phí chi thường xuyên thường được xây dựng cho cả thời kỳ ổn định ngân sách, với yếu tố giá cả thị trường biến động liên tục như hiện nay, thì định mức giao khoán chỉ đảm bảo mức tối thiểu so với tình hình thực tế nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế nên nguồn thu của các đơn vị gặp nhiều khó khăn cũng như nguồn thu sự nghiệp của từng đơn vị không đồng đều, thậm chí có đơn vị không có nguồn thu; vì vậy xảy ra tình trạng chênh lệch thu nhập giữa các đơn vị sự nghiệp, làm hạn chế khả năng tuyển dụng cán bộ, viên chức (nhất là các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo hoàn toàn kinh phí hoạt động thường xuyên).

Tinh thần tự giác và ý thức thực hành tiết kiệm của một số CBCCVC, người lao động ở một số đơn vị còn chưa cao. Mặt khác việc phân phối thu nhập tăng thêm của một số cơ quan đơn vị chưa thật sự hợp lý (còn mang tính cào bằng) nên chưa thật sự động viên, khuyến khích người lao động phấn khởi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Trình độ quản lý của một số thủ trưởng đơn vị chưa thật sự đáp ứng được với cơ chế quản lý tài chính mới; bộ máy kế toán của một số đơn vị chưa thật sự đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ, do đó trong quá trình triển khai thực hiện chưa thật sự đáp ứng theo yêu cầu.

Ngoài ra, việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị SNCL còn chậm, chưa đồng bộ, chưa kiên quyết.

b) Nguyên nhân

Một số lãnh đạo đơn vị SNCL tuy đã đồng thuận trong việc thực hiện sắp xếp đơn vị sự nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW nhưng vẫn có số ít còn e dè, chưa mạnh dạn thực hiện sắp xếp một phần do ảnh hưởng chưa khai thác mở rộng từ nguồn thu không đảm bảo, một phần đơn vị còn phụ thuộc vào sự hỗ trợ từ ngân sách đảm bảo kinh phí hoạt động.

Tỷ lệ các đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên còn thấp, việc thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị SNCL còn chậm, chưa có bước chuyển biến có tính đột phá; chưa tách bạch rõ ràng giữa chức năng quản lý nhà nước với chức năng cung cấp dịch vụ công. Số lượng đơn vị chuyên đổi từ loại hình có nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước sang loại hình tự đảm bảo kinh phí chưa nhiều. Số lượng đơn vị SNCL do NSNN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên còn chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số đơn vị SNCL của tỉnh. Phần lớn các đơn vị SNCL chưa thực sự chủ động trong công tác đổi mới, chưa phát huy có hiệu quả

tiềm năng sẵn có, chưa huy động được nhiều nguồn lực của xã hội để phát triển dịch vụ sự nghiệp công, chưa đảm bảo khả năng ổn định về tài chính. Việc thực hiện chế độ báo cáo của một số đơn vị, địa phương phần lớn còn chưa đảm bảo thời gian, gây khó khăn cho công tác tổng hợp, đánh giá thực tiễn việc triển khai thực hiện đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị SNCL trên địa bàn tỉnh.

Trong giai đoạn thực hiện chủ trương sáp nhập các cơ quan, đơn vị, giải thể cấp huyện, cũng như sáp nhập tỉnh hiện nay, chức năng, nhiệm vụ của một số đơn vị SNCL có thay đổi sau thực hiện sáp nhập (có đơn vị đang tự đảm bảo chi thường xuyên, sau sáp nhập đã chuyển đổi thành NSNN đảm bảo một phần chi thường xuyên; đa số các đơn vị do NSNN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên đều không có nguồn thu...). Theo đó, nếu thực hiện theo lộ trình chuyển đổi đơn vị SNCL sang mức độ tự chủ cao hơn sau 05 năm sẽ gặp rất nhiều khó khăn và không đảm bảo theo quy định.

6. Về Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

6.1. Kết quả chủ yếu đạt được

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tỉnh Đắk Lắk đã ban hành lồng ghép chính sách khuyến khích thành lập đơn vị sự nghiệp ngoài công lập lĩnh vực khoa học và công nghệ; đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường lĩnh vực khoa học và công nghệ tại các văn bản: Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 13/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình số 147/CTr-UBND ngày 07/01/2022 thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 13/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của HĐND về nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 1465/QĐ-UBND ngày 04/8/2023 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030; Trong đó, tỉnh đề ra nội dung như:

Xã hội hóa hoạt động kiểm định phương tiện đo lường, đến năm 2025 số phương tiện đo được kiểm định đạt trên 90% số phương tiện đo bắt buộc kiểm định; Khuyến khích thành lập các tổ chức khoa học và công nghệ và phát triển tổ chức trung gian cung cấp dịch vụ về thị trường khoa học và công nghệ.

Đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường: Năm 2020 trên địa bàn tỉnh có 04 tổ chức kiểm định lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng: 03 tư nhân và 01 công lập; đến nay, trên địa bàn tỉnh có 07 tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường với 49 kiểm định viên đang công tác và 195 chuẩn đo lường, phương tiện hiệu chuẩn, kiểm định phương tiện đo được sử dụng (06 đơn vị ngoài công lập và 01 công lập). Hằng năm, có trên 128.000 phương tiện đo được kiểm định, hiệu chuẩn; trong đó có trên 100.000 phương tiện đo thuộc lĩnh vực điện, điện tử đạt trên 90% số phương tiện đo. Trong giai đoạn 2020-2025 đã cấp 25 Giấy đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ cho các tổ chức khoa học và

công nghệ và 09 Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh. Các tổ chức, doanh nghiệp khoa học và công nghệ thời gian qua đã tham gia tích cực vào hoạt động khoa học và công nghệ, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế và xã hội, tăng năng suất lao động, cải thiện chất lượng sản phẩm và dịch vụ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo ở địa phương.

a) Việc ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh:

UBND tỉnh đã ban hành các văn bản như: Quyết định số 3962/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Lắk (phiên bản 2.0) và tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc hàng năm theo quy định của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông; Kế hoạch số 10717/KH-UBND ngày 30/11/2020 Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 28/01/2022 Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk, xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị thông minh năm 2022; Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 26/12/2022 Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk năm 2023; Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 29/12/2023 Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk năm 2024; Đặc biệt năm 2025 tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 28/02/2025 về việc thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Chương trình số 61-CTr/TU ngày 25/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

b) Kết quả tổ chức thực hiện

** Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật*

Toàn tỉnh 100% CBCCVC ở các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn được trang bị máy tính; 100% các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã có hệ thống mạng nội bộ; 100% cơ quan Nhà nước có kết nối Internet băng thông rộng.

Các hệ thống thông tin dùng chung được hình thành đã đảm bảo, tuân thủ theo đúng mục tiêu khi xây dựng nhiệm vụ, theo đúng định hướng, chủ trương về phát triển ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số.

Tính đến thời điểm tháng 3/2025, mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh được mở rộng với 235 điểm đảm bảo về kỹ thuật, an toàn thông tin phục vụ việc kết nối, liên thông 4 cấp từ Trung ương đến tỉnh và đến tất cả các sở, ngành, các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn; Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh được trang bị đầy đủ các điều kiện để tích hợp các hệ thống phần mềm của tỉnh để lưu trữ, phục vụ phát triển các nền tảng, dữ liệu của các cơ quan, đơn vị, địa phương, như Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành, Hệ thống thư điện tử công vụ, Cổng thông tin điện tử tỉnh, phần mềm quản lý CBCCVC.

** Về phát triển nền tảng và hệ thống số quy mô quốc gia*

Tỉnh Đắk Lắk đang thực hiện Dự án xây dựng hạ tầng chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 với tổng mức đầu tư 330 tỷ đồng. Dự án tập trung vào 4 nhiệm vụ chính như sau: Xây dựng cơ sở hạ tầng, phần mềm nền tảng đô thị thông minh tỉnh Đắk Lắk (SCP) đạt tiêu chuẩn theo Công văn số 4176/BTTTT-THH ngày 22/11/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông; nâng cấp Trung tâm điều hành đô thị thông minh (IOC) đạt tiêu chuẩn theo Công văn số 328/THH-DVCNTT ngày 27/3/2020 của Cục Tin học hóa; xây dựng nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu LGSP, các hệ thống cơ sở dữ liệu nền và hệ thống lưu trữ cơ sở dữ liệu tập trung (Data Warehouse); xây dựng hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC). Bốn hạng mục được thiết kế nhằm đảm bảo dịch vụ hạ tầng và dịch vụ an toàn bảo mật 08 lĩnh vực đô thị thông minh như sau: Quản lý quy hoạch đô thị; An ninh, an toàn; Tài nguyên môi trường; Du lịch; Giáo dục; Y tế; Giao thông; Nông nghiệp. Dự kiến Dự án hoàn thành trong năm 2025.

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Đắk Lắk đã được xây dựng và chính thức đi vào hoạt động từ đầu năm 2020. Trục liên thông văn bản tỉnh Đắk Lắk hoạt động ổn định, đảm bảo việc liên thông gửi, nhận văn bản điện tử đến 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh và liên thông đến 100% các Bộ, ban, ngành Trung ương và các tỉnh, thành phố trên cả nước và kết nối với nhiều hệ thống, cơ sở dữ liệu của Trung ương.

Hệ thống SOC vận hành 05 giải pháp và được kết nối với Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng quốc gia, đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu và các hệ thống thông tin trong quá trình vận hành, kết nối, trao đổi. Việc chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo trong hoạt động của cơ quan trong hệ thống chính trị đã từng bước được triển khai.

** Phát triển dữ liệu số quốc gia*

Hiện nay Đắk Lắk đã hoàn thành việc xây dựng các phần mềm phục vụ việc tạo lập, cập nhật các cơ sở dữ liệu, như: Cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội tích hợp trong Hệ thống báo cáo của tỉnh; cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ công chức; cơ sở dữ liệu quản lý giống cây trồng; cơ sở báo cáo thống kê ngành thông tin và truyền thông; cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực văn hóa, thông tin; cơ sở dữ liệu thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực giáo dục của tỉnh,... Kho dữ liệu điện tử cá nhân của công dân đang được hoàn thiện, giúp công dân chủ động quản lý, lưu trữ dữ liệu điện tử của cá nhân trên Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đảm bảo phục vụ hiệu quả nhu cầu giao dịch trực tuyến của người dân, doanh nghiệp với các cơ quan nhà nước.

Cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh đã đồng bộ với các cơ sở dữ liệu dùng chung quốc gia, đáp ứng yêu cầu về mặt liên thông, chia sẻ dữ liệu theo kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 2.0. Theo Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của UBND tỉnh về ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Đắk Lắk của UBND tỉnh về ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Đắk Lắk với mục tiêu lưu trữ, bổ sung, cập nhật toàn bộ các danh mục dùng chung toàn tỉnh để chia sẻ cho các hệ thống CNTT khác.

Hệ thống phần mềm lõi triển khai cho DAKLAK IOC có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với các ứng dụng hiện hữu hoặc trong tương lai để quản lý và giám sát các dịch vụ, bước đầu thực hiện tổng hợp dữ liệu, theo dõi giám sát để hỗ trợ công tác chỉ đạo điều hành. Bao gồm: Hệ thống xác thực tập trung của tỉnh; Hệ thống Dịch vụ công tích hợp một cửa điện tử tỉnh Đắk Lắk; Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Đắk Lắk; Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đắk Lắk; Hệ thống phản ánh hiện trường; Hệ thống Giám sát An ninh trật tự và An toàn giao thông; Giải pháp về Tài nguyên môi trường; Giải pháp về quản lý Y tế; Giải pháp về quản lý Giáo dục; Giải pháp về quản lý du lịch.

Phát triển ứng dụng, dịch vụ nội bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh hiện nay hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành đã được triển khai đồng bộ đến toàn bộ các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã. Hoàn thành kết nối, liên thông và trao đổi văn bản điện tử giữa Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành của tỉnh với Hệ thống của Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương qua Trục liên thông văn bản quốc gia.

Về phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp tỉnh Đắk Lắk triển khai Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Đắk Lắk (*Hệ thống iGate*) từ năm 2015 đến nay với hình thức (*thuê dịch vụ của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam theo phương thức thuê dịch vụ đến 3 cấp: 22 đơn vị cấp tỉnh và 15 đơn vị cấp huyện và 180 xã, phường, thị trấn*) đáp ứng theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về việc thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, UBND tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ quản lý, vận hành và chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan Công bố các TTHC lên Hệ thống iGate để thuận tiện cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp tương tác nộp hồ sơ trực tuyến. tỉnh đã ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống iGate tại Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của UBND tỉnh; hệ thống iGate đã đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ 3 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2714/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 về việc phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với Hệ thống iGate đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022; việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cổng dịch vụ công quốc gia với các phần mềm chuyên ngành của các bộ, ngành theo quy định.

Để tích hợp, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống iGate với các phần mềm chuyên ngành của các bộ, ngành giúp giảm tải thao tác công việc cho CBCCVC. Hiện nay tỉnh Đắk Lắk đã bước đầu được xây dựng để đáp ứng các hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu thống nhất và dùng chung cho các hệ thống CNTT khác trên toàn tỉnh đáp ứng cho việc kết nối các ứng dụng, dịch vụ với các dữ liệu trao đổi có cấu trúc, định dạng khác nhau (*Hệ thống LGSP*)²⁰. Bên cạnh đó,

thường xuyên rà soát Hệ thống iGate đảm bảo khả năng kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước (*gồm Công Dịch vụ công quốc gia; các hệ thống thông tin nội bộ của bộ; các cơ sở dữ liệu quốc gia; hệ thống thông tin có quy mô, phạm vi từ trung ương đến địa phương*) để sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã có, phục vụ giải quyết TTHC trên môi trường mạng theo quy định tại Thông tư số 21/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 quy định về chức năng, tính năng kỹ thuật.

Hàng năm, UBND tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị Công bố Danh mục TTHC được cung cấp, tiếp nhận và giải quyết trực tuyến trên Hệ thống iGate nhằm thuận tiện cho công dân trong quá trình thực hiện TTHC tại địa chỉ: <https://dichvucong.daklak.gov.vn/>, với tổng số TTHC của tỉnh là 1.741. Trong đó, 879 dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 703 dịch vụ công trực tuyến một phần; 159 dịch vụ công cung cấp thông tin trực tuyến theo Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 28/11/2024 của UBND tỉnh về việc Công bố Danh mục TTHC được cung cấp, tiếp nhận và giải quyết trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Đắk Lắk.

Toàn tỉnh 19/19 sở, ban, ngành và 15/15 UBND cấp huyện có Trang thông tin điện tử. Hệ thống Công/Trang thông tin điện tử cơ quan nhà nước tỉnh đã từng bước được cải thiện về giao diện, hoạt động cung cấp và tiến tới minh bạch thông tin của cơ quan nhà nước theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; đặc biệt là thông tin về công tác chỉ đạo điều hành, thông tin kinh tế, xã hội của tỉnh đã đăng tải kịp thời trên môi trường mạng phục vụ rộng rãi cho cộng đồng, xã hội.

6.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại hạn chế

Cơ sở vật chất đầu tư chưa cao, thiếu tập trung và đồng bộ để chủ động tạo ra sản phẩm công nghệ mới, chủ yếu là ứng dụng và chuyển giao những công nghệ sẵn có.

Một số cơ chế chính sách còn vướng mắc, thiếu đồng bộ làm hạn chế phát triển các hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chưa có các cơ chế, chính sách cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế nhằm xây dựng,

²⁰ Kết nối với Công dịch vụ công quốc gia để thực hiện thanh toán trực tuyến, hợp nhất tài khoản để đăng nhập bằng tài khoản VNeiD; ngoài ra, Hệ thống iGate kết nối với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ (*Hệ thống EMC*) để đồng bộ dữ liệu; kết nối với Hệ thống cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư nhằm chia sẻ 20 trường dữ liệu từ cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư trên Hệ thống iGate để tiếp nhận, xử lý hồ sơ; kết nối, chia sẻ với Hệ thống thông tin đất đai tỉnh Đắk Lắk (phần mềm VBDLIS); Đồng bộ dữ liệu giữa Hệ thống iGate với Hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội; kết nối, chia sẻ dữ liệu hồ sơ dịch vụ công đối Giấy phép lái xe; tích hợp phân hệ kho tài liệu điện tử cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức gắn liền với Hệ thống iGate.

phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ, thu hút nhân tài, phát huy năng lực nội sinh, khuyến khích các doanh nghiệp và người dân xã hội hóa đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Các phần mềm của các bộ, ngành chưa được ổn định thường xuyên cập nhật dẫn đến việc khó khăn khi thực hiện kết nối, liên thông như: Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung của Bộ Tư pháp có tồn tại một số khó khăn, cụ thể: API của Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung thường xuyên gặp sự cố gây ảnh hưởng đến việc đồng bộ hồ sơ từ Hệ thống iGate đến Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch cũng như việc đồng bộ kết quả từ Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch về Hệ thống iGate và Phần mềm dịch vụ công liên thông của Bộ Công an; Dữ liệu của Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung khi trả về sẽ bị lỗi json nếu có dấu ngoặc kép.

Hoạt động khoa học và công nghệ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và sự phát triển của tỉnh, trình độ công nghệ của một số ngành sản xuất còn lạc hậu; cầu nối giữa nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với sản xuất và đời sống chưa được chú trọng đúng mức nên một số mô hình tiên tiến chưa được đầu tư nhân rộng; thị trường khoa học và công nghệ bước đầu được hình thành nhưng phát triển còn chậm; các tổ chức, cá nhân chưa tiếp cận được với Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh vì nhiều thủ tục bất cập. Hoạt động chuyển đổi số mới bước đầu được triển khai trên một số lĩnh vực; các vấn đề về hạ tầng, ứng dụng, cơ sở dữ liệu, nguồn nhân lực, nền tảng phát triển Chính quyền điện tử, Đô thị thông minh chưa thực sự sẵn sàng cho lộ trình chuyển đổi số toàn diện của tỉnh theo định hướng của Chính phủ trong giai đoạn tới.

b) Nguyên nhân

Xuất phát điểm của nền kinh tế tỉnh thấp, tư duy sản xuất nhỏ; một số cấp ủy đảng, chính quyền, một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ, chưa quan tâm đúng mức đến hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Việc cụ thể hóa các cơ chế, chính sách xác định ưu tiên, tổ chức quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, phân bổ kinh phí áp dụng cho địa phương còn nhiều bất cập, chưa phù hợp; hơn nữa, phát triển vùng sản xuất hàng hóa và khai thác các yếu tố nội vùng và phát triển dây chuyền sản xuất công nghệ hiện đại tại Đắk Lắk còn nhiều hạn chế.

Ngành khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các ngành chuyên môn chưa phát huy vai trò nòng cốt trong việc tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Sự phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương chưa thường xuyên, chuyển đổi số chậm đổi mới; tại các địa phương thiếu nguồn nhân lực chuyên trách về các hoạt động khoa học và công nghệ; chưa có cơ chế cụ thể để thu hút các nguồn đầu tư cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CCHC NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

CCHC là một trong các Chương trình trọng điểm của tỉnh nên luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, sự lãnh đạo, điều hành của UBND tỉnh. Trưởng Ban chỉ đạo CCHC là Chủ tịch UBND tỉnh, vì vậy trong công tác điều hành, cho chủ trương về CCHC được tiến hành thuận lợi. Các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC sâu sát trong công tác tham mưu, sự đồng tình thực hiện CCHC của các sở, ban ngành, địa phương góp phần triển khai đạt kết quả quan trọng nhiều nội dung CCHC. Các cuộc họp của Ban chỉ đạo CCHC tỉnh được duy trì thường xuyên, là điều kiện quan trọng để thảo luận, xin ý kiến Chủ tịch UBND tỉnh quyết định những vấn đề quan trọng của công tác CCHC tỉnh; hàng năm tỉnh luôn chủ động, kịp thời ban hành các chương trình, kế hoạch, văn bản về cải cách TTHC, lựa chọn triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm trong từng năm; kịp thời, chủ động triển khai có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương; thường xuyên triển khai, đưa ra các giải pháp tích cực trong giải quyết khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; kiểm soát nghiêm việc tuân thủ đầy đủ quy trình thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh trong đó đã thực hiện nghiêm việc đánh giá tác động của chính sách, đánh giá tác động của TTHC trong quá trình xây dựng các dự thảo văn bản QPPL.. Tuyên truyền CCHC được các ngành, các cấp quan tâm triển khai thường xuyên, với nhiều hình thức phong phú trên Đài PTTH Đắc Lắc, Báo Đắc Lắc, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Đài truyền thanh, tờ rơi, pa nô, các lớp tập huấn, các cuộc thi, hội thi... giúp người dân, tổ chức, cán bộ, công chức hiểu ý nghĩa quan trọng của công tác CCHC, các nhiệm vụ CCHC đang triển khai, thông tin các phản ánh, kiến nghị về những quy định chưa phù hợp của TTHC, thái độ giao tiếp của cán bộ, công chức, chia sẻ những mô hình, cách làm hay của các địa phương trong tỉnh. Công tác kiểm tra được thực hiện thường xuyên hàng năm, qua kiểm tra giúp các sở ngành, địa phương tháo gỡ kịp thời những vướng mắc, góp phần thực hiện tốt công tác CCHC của cơ quan, địa phương.

Công tác lãnh đạo, điều hành được đặt lên hàng đầu, thường xuyên đổi mới, chú trọng hiệu quả, giảm thủ tục hình thức; cơ sở, hạ tầng kỹ thuật về cũng được quan tâm đầu tư ngày được cải thiện để đáp ứng yêu cầu số hóa và sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC, cũng như việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC đang được thực hiện theo hướng hiện đại, gắn với số hóa và sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, tăng năng suất lao động, góp phần hình thành công dân số, doanh nghiệp số trong xây dựng Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số.

Giai đoạn 2021 - 2025 chương trình CCHC của tỉnh đạt nhiều kết quả tốt đẹp, những vấn đề mang tính bức xúc đã có chuyển biến tích cực. Đến nay, công tác CCHC của tỉnh đã hoàn thành phần lớn các mục tiêu đề ra từ đầu giai đoạn. Đội ngũ CBCCVC có số lượng hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ Nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước; 100% các cơ quan hành chính Nhà nước có cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí việc làm. Sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trên các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt mức trên 80% vào năm 2024...

UBND tỉnh triển khai thực hiện, cụ thể hóa các cơ chế chính sách về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền, triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL; tất cả các văn bản QPPL trước khi xây dựng, soạn thảo và ban hành đều được thẩm định theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL; công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống văn bản QPPL và theo dõi thi hành pháp luật đảm bảo thực hiện đúng theo chương trình công tác đề ra. Các văn bản QPPL ban hành kịp thời, đúng thẩm quyền, chất lượng ngày càng cao, cơ bản đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và củng cố hệ thống hành chính Nhà nước thời gian qua.

Công tác đánh giá, xác định Chỉ số CCHC đối với các sở, ban ngành; UBND cấp huyện và xác định sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước làm cơ sở để đánh giá khách quan mức độ hoàn thành nhiệm vụ, sự quan tâm, chỉ đạo của thủ trưởng các cơ quan, địa phương đối với CCHC. Qua đó, các sở, ban ngành, địa phương thấy được những ưu, khuyết điểm để điều chỉnh, bổ sung nâng cao hiệu quả CCHC.

Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh hoạt động ngày càng hiệu quả và tạo bước đột phá trong công tác cải cách TTHC và hiện đại hóa nền hành chính nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh trở thành đầu mối tập trung để cơ quan chuyên môn, các sở, ban, ngành cấp tỉnh tiếp nhận và phối hợp giải quyết TTHC nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả giải quyết TTHC của cơ quan Nhà nước; đồng thời tăng cường tính liên thông trong giải quyết TTHC, bảo đảm nhanh chóng, công khai, minh bạch, không có khâu trung gian, giảm chi phí thực hiện, góp phần cải thiện chất lượng công vụ, xây dựng chính quyền đồng hành, phục vụ hướng tới sự hài lòng của doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh.

Bộ máy hành chính ở 03 cấp chính quyền đã được kiện toàn và củng cố theo hướng tinh gọn, bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả; chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong bộ máy quản lý Nhà nước được quy định cụ thể; các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc 03 cấp đã thực hiện bố trí, sắp xếp gắn chuyên môn, nghiệp vụ với vị trí việc làm. Thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính tiếp tục được tăng cường; công tác đào tạo, bồi dưỡng tiếp tục được đẩy mạnh, nhằm chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức theo quy định, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công việc và đạo đức công vụ cho đội ngũ CBCCVC.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

2.1. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, CCHC tỉnh thời gian qua vẫn còn những hạn chế cụ thể:

Các Chỉ số về CCHC của tỉnh năm 2024 chưa đạt kết quả đề ra và đã tụt hạng từ hạng 28/63 năm 2023 đến nay đứng vị trí 53/63 giảm 25 bậc so với năm 2023, các nhiệm vụ trong Chương trình CCHC tỉnh có kết quả thấp hơn các tỉnh, thành phố trong cả nước và chưa có nhiều sáng kiến mang tính đột phá, chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giảm 0,88%, giảm 19 bậc so với năm 2023.

Công tác lập, tham mưu ban hành kế hoạch CCHC của các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao nhiệm vụ chủ trì các nhiệm vụ cải cách thể chế; cải cách TTHC; cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC; cải cách tài chính công; hiện đại hóa hành chính còn thiếu tính chiến lược lâu dài.

Nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất và đội ngũ CBCCVC hiện nay còn nhiều hạn chế để tạo nên đột phá trong công tác CCHC của tỉnh. Kinh phí hàng năm để thực hiện nhiệm vụ CCHC, xây dựng cơ sở vật chất của tỉnh thấp nên chưa đầu tư đúng mức cho Bộ phận TN&TKQ, chưa triển khai chính sách và cách làm mới để tạo sự chuyển biến trong công tác CCHC và duy trì các kết quả lâu dài.

Một số cơ quan, đơn vị còn chậm triển khai các chỉ đạo của Trung ương, chưa quan tâm đúng mức trong chỉ đạo triển khai thực hiện CCHC, hiệu quả triển khai một số hoạt động thấp. Một số lãnh đạo cơ quan, địa phương quan tâm chưa đúng mức đối với công tác CCHC, còn thiếu quyết tâm, chưa sâu sát trong khâu quản lý, điều hành, triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ CCHC được cấp trên giao, chưa thường xuyên kiểm tra tiến độ, chất lượng công việc. Các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quyết tâm thực hiện dịch vụ bưu chính công ích; chưa thu hút được người dân, doanh nghiệp sử dụng giao dịch công trực tuyến mức độ 3, 4. Một số cơ quan, địa phương chưa nghiêm túc thực hiện thông tin, báo cáo CCHC (nội dung báo cáo chưa đầy đủ, gửi trễ thời gian hoặc không có báo cáo).

Việc cải cách TTHC thường xuyên được quan tâm tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của người dân. Các đánh giá của Chỉ số PAPI về TTHC của tỉnh, về dịch vụ chứng thực, xác nhận, về dịch vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc nhóm 16 tỉnh thấp nhất nước. 50% người dân, tổ chức được khảo sát cho rằng cần tiếp tục đơn giản hóa TTHC và cần phải rút ngắn thời gian thực hiện dịch vụ công.

Vẫn còn tình trạng trễ hẹn trong tiếp nhận, giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp và không có thông báo về việc trễ hẹn cho người dân, doanh nghiệp.

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã được triển khai trên toàn tỉnh để phục vụ người dân và doanh nghiệp, hệ thống cũng đã đồng bộ hồ sơ với Cổng DVC Quốc gia. Tuy nhiên, việc thực hiện kết nối liên thông, đồng bộ trạng

thái xử lý TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với một số DVC của các bộ, ngành vẫn chưa hoàn thiện, dẫn đến cùng một thông tin, cán bộ, công chức cấp xã, cấp huyện và cấp tỉnh phải cập nhật trên nhiều phần mềm; tỷ lệ hồ sơ đồng bộ giữa Hệ thống iGate với Cổng DVC quốc gia chưa đạt 100%.

2.2. Nguyên nhân

Đắk Lắk là tỉnh miền núi, tổng thu ngân sách thấp, còn nhận hỗ trợ từ Trung ương, nguồn kinh phí từ ngân sách của tỉnh dành cho nhiệm vụ CCHC không nhiều; các cơ quan, địa phương còn lúng túng trong lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ CCHC hoặc không bố trí được kinh phí dẫn đến tình trạng khi đi vào triển khai nhiệm vụ không có kinh phí để thực hiện; người dân đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk sinh sống chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn nên ảnh hưởng không nhỏ đến công tác CCHC nói chung, đến việc triển khai cải cách TTHC nói riêng.

Một bộ phận lãnh đạo cơ quan, địa phương quyết tâm chưa cao đối với thực hiện nhiệm vụ CCHC, chưa gắn kết quả CCHC của tỉnh với kết quả hoạt động cụ thể của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính có tiến triển nhưng chưa hoàn toàn triệt để, vẫn còn một bộ phận CBCCVC có tinh thần trách nhiệm chưa cao trong thực thi công vụ, thái độ giao tiếp, ứng xử của một bộ phận CBCCVC với người dân có lúc, có nơi còn thờ ơ, chưa thân thiện, gây phiền hà.

Công tác kiểm tra chưa bao quát, chưa có cơ chế kiểm tra để có thể phát hiện đầy đủ những vi phạm của CBCCVC trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

Bên cạnh đó, địa phương gặp một số khó khăn nhất định về nguồn kinh phí bố trí để nâng cấp các trang thiết bị nhằm đáp ứng đúng yêu cầu trong đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, công tác cải cách TTHC.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai CCHC

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được và những hạn chế, tỉnh Đắk Lắk rút ra 07 bài học kinh nghiệm trong triển khai CCHC, như sau:

Một là, CCHC tiếp tục phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của các cấp ủy Đảng, sự quản lý điều hành của chính quyền và sự tham gia tuyên truyền, vận động và giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các đoàn thể quần chúng. Cần nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành về mục tiêu, ý nghĩa, tầm quan trọng của CCHC đối với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Từ đó, coi trọng công tác tuyên truyền, quán triệt sâu rộng các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về CCHC đối với các cấp chính quyền và toàn thể nhân dân để tạo ra sự đồng thuận chung trong toàn xã hội về thực hiện các nhiệm vụ CCHC; xác định những lợi ích thiết thực, hiệu quả mà công cuộc CCHC đem lại cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp. CCHC cần phải được các cấp ủy Đảng, các ban, ngành, từng cơ quan, địa

phương đưa vào chương trình công tác hàng năm, có kế hoạch, lộ trình cụ thể để thực hiện.

Hai là, phải xác định CCHC là nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên, lâu dài gắn với công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh, tạo được sự đồng thuận nhất trí cao trong toàn Đảng, toàn dân, đồng thời trong quá trình triển khai thực hiện CCHC cần có giải pháp cụ thể, mô hình mới, có tính đột phá, tạo ra hiệu ứng, sức lan tỏa và hiệu quả trên thực tế, tạo ra được những chuyển biến rõ nét và có sức thuyết phục.

Ba là, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị là nhân tố quyết định trong hoạt động CCHC, Người đứng đầu bộ phận, cơ quan phải trực tiếp chỉ đạo công tác CCHC; đồng thời, luôn đặt lợi ích của quốc gia, dân tộc lên hàng đầu, tránh tình trạng giao khoán công việc cho cấp dưới, đùn đẩy né tránh trách nhiệm..

Bốn là, củng cố, kiện toàn và nâng cao vai trò của cơ quan chủ trì, cơ quan tham mưu Chương trình CCHC, chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cơ quan, đơn vị và địa phương có phẩm chất đạo đức, vững về chính trị, giỏi về chuyên môn, có tính chuyên nghiệp, tận tụy phục vụ Nhân dân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị. Đội ngũ CBCCVN cần được thường xuyên đào tạo nâng cao trình độ, nâng cao năng lực thực hành, kỹ năng giải quyết các vấn đề mới mà thực tiễn luôn đặt ra.

Năm là, tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển kỹ thuật, cơ sở hạ tầng phục vụ nền hành chính. Để công tác CCHC được thành công đòi hỏi phải có nguồn lực để đầu tư, trước hết là đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhất là đẩy mạnh ứng dụng CNTT nhằm nâng cao hiệu quả làm việc của CBCCVN; công khai minh bạch các quy trình, TTHC và chính sách có liên quan đến người dân, tổ chức trên các lĩnh vực quản lý.

Sáu là, hoàn thiện việc cải cách thể chế, cải cách TTHC, xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số một cách đồng bộ và toàn diện, tạo điều kiện giúp người dân và doanh nghiệp thuận lợi trong quá trình tiếp cận các dịch vụ công.

Bảy là, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở việc thực hiện nhiệm vụ CCHC mà đặc biệt là chế độ thông tin, báo cáo đúng thời gian để kịp thời khen thưởng đối với đơn vị, địa phương, cá nhân làm tốt. Đồng thời phê bình, kiểm điểm đối với những đơn vị, cá nhân thực hiện chưa tốt, còn thiếu sót, hạn chế trong quá trình triển khai chương trình.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CCHC NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

1. Về cải cách thể chế

- Triển khai thực hiện tốt Luật Ban hành văn bản QPPL và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tham mưu ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh đúng quy định, đúng tiến độ theo yêu cầu. Chú trọng, nâng cao chất lượng hoạt động tham mưu xây dựng văn bản QPPL, đảm bảo văn bản QPPL được ban hành đúng pháp luật, thống nhất, đồng bộ và có tính khả thi cao. Thường xuyên thực hiện công tác tự kiểm tra văn bản QPPL; nâng cao chất lượng công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, kịp thời kiến nghị xử lý các văn bản không còn phù hợp được phát hiện qua rà soát.

- Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật hàng năm và xử lý, kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua theo dõi. Tập trung theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực phức tạp, có nhiều khó khăn, vướng mắc; qua đó xem xét, đánh giá thực trạng việc thi hành pháp luật và kiến nghị, đề xuất các biện pháp, giải pháp tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật trong lĩnh vực nội vụ.

- Tiếp tục đề xuất Trung ương hoàn thiện văn bản quy định chi tiết Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 để tổ chức thực hiện đồng bộ, có hiệu quả.

- Tiếp tục đẩy mạnh rà soát đề sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới văn bản QPPL bảo đảm tính thống nhất, phù hợp trong hệ thống pháp luật; tạo cơ sở pháp lý để xây dựng, ban hành văn bản QPPL thuộc thẩm quyền; tiếp tục tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; công tác theo dõi thi hành pháp luật.

- Hàng năm, căn cứ tình hình phản ánh những khó khăn vướng mắc bất cập chung của các đơn vị trong tỉnh để xác định lĩnh vực theo dõi tình hình thi hành pháp luật trọng tâm.

2. Về cải cách TTHC

- Tiếp tục triển khai việc kiểm soát TTHC theo quy định. Công khai, minh bạch tất cả các TTHC bằng các hình thức thiết thực và phù hợp; duy trì và cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

- Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC thuộc lĩnh vực nội vụ, nhất là TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp. Thực hiện cải cách TTHC để nâng cao năng lực cạnh tranh, bảo đảm điều kiện cho nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững.

- Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính thuộc lĩnh vực để hỗ trợ việc nâng cao chất lượng các quy định hành chính và giám sát việc thực hiện TTHC của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

3. Về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Thường xuyên rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy các đơn vị trực thuộc, giảm đầu mối tổ chức trung gian; rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc, đảm bảo không trùng lặp, không bỏ sót nhiệm vụ, thực hiện đầy đủ, đúng quy định các nhiệm vụ chính trị được giao.

- Rà soát, sắp xếp, thực hiện đúng quy định về sử dụng biên chế hành chính nhà nước và quy định về số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện phân cấp quản lý theo đúng quy định của UBND tỉnh, phân công trách nhiệm thực hiện theo nguyên tắc hiệu quả và rõ trách nhiệm, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.

4. Về cải cách chế độ công vụ

- Thực hiện nghiêm Chi thị số 07/CT-UBND ngày 12/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh và Chi thị số 17/CT-UBND ngày 08/11/2024 của UBND tỉnh về việc tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường công tác kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh đã triển khai đầy đủ và thực hiện đúng quy định; chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính theo Chi thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp cũng như cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng tham mưu, thực hiện nhiệm vụ, giải quyết công việc được giao

- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức phù hợp với số lượng, cơ cấu hợp lý với Đề án vị trí việc làm. Đến năm 2030, 100% CBCCVN của Sở đảm bảo về tiêu chuẩn chất lượng, có trình độ, năng lực theo quy định và kinh nghiệm thực tiễn để đáp ứng yêu cầu thực thi công vụ;

- Thực hiện tốt công tác tuyển dụng công chức, viên chức để nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao; tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức bằng nhiều hình thức phù hợp với yêu cầu thực hiện sự liên tục, kế thừa phát triển đội ngũ, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ quản lý nhà nước, lý luận chính trị theo yêu cầu vị trí công tác và các chức danh quy hoạch. Thực hiện đánh giá cán bộ, công chức căn cứ vào vị trí việc làm và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định;

- Thực hiện tốt công tác điều động, luân chuyển CBCCVN lãnh đạo quản lý có thời gian công tác lâu năm tại một vị trí đảm nhiệm, định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ; thực hiện công tác sắp xếp, bố trí CBCCVN kịp thời, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo Đề án vị trí việc làm sau khi có quyết định phê duyệt Đề án sáp nhập các cơ quan, đơn vị hành chính của cấp có thẩm quyền.

- Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá công chức, viên chức; khen thưởng kịp thời, công bằng, đúng người, đúng việc; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kỷ luật theo đúng quy định.

5. Về cải cách tài chính công

- Triển khai xây dựng phương án tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ giai đoạn 2026-2030 sát với kết quả thực hiện số thu từ hoạt động dịch vụ ...

- Nghiên cứu quy định của Trung ương và văn bản hướng dẫn thực hiện để tiếp tục tham mưu UBND tỉnh ban hành cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công để đẩy mạnh việc tổ chức thực hiện Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước.

- Xây dựng đơn giá dịch vụ công để nhà nước đặt hàng theo quy định.

- Xây dựng Đề án tận dụng một số cơ sở vật chất hiện có do đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng để đưa vào thu dịch vụ nhằm giảm bớt chi ngân sách.

- Nghiên cứu, tìm kiếm, khai thác và phát triển các hoạt động sự nghiệp công lập, nhằm gia tăng nguồn thu cho đơn vị thông qua các hoạt động dịch vụ công.

- Thực hiện tốt công tác cải cách tài chính công, tăng cường công tác quản lý ngân sách nhà nước; nâng cao tính chủ động, sáng tạo, quyền hạn và trách nhiệm của các đơn vị thực hiện tự chủ tài chính trong sử dụng ngân sách, sử dụng biên chế, tổ chức bộ máy và thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Tăng nguồn thu, tiết kiệm chi, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng dịch vụ công; từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, tăng mức tự chủ tại một số đơn vị sự nghiệp công lập, giảm ngân sách cấp. Tăng cường công tác quản lý phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước và công ty cổ phần có phần vốn nhà nước do UBND tỉnh là chủ sở hữu.

- Tham mưu phân cấp phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân giai đoạn 2026-2030; định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026.

- Tiếp tục thực hiện cơ chế khoán biên chế, kinh phí hành chính; thực hiện đổi mới cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng phương án tự chủ tài chính theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; có các giải pháp hiệu quả tăng nguồn thu sự nghiệp, tăng tỷ lệ tự đảm bảo chi thường xuyên; giảm chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước.

- Chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; tạo sự cạnh tranh bình đẳng trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ sự nghiệp công.

- Tăng cường quản lý, giám sát tài chính của nhà nước đối với doanh nghiệp thông qua các tiêu chí và hệ thống thông tin; rà soát, xử lý theo quy định các doanh nghiệp yếu kém, thua lỗ; đảm bảo cân đối nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước cho doanh nghiệp nhà nước.

- Tăng cường công tác tập huấn, hướng dẫn, triển khai chế độ, chính sách thuộc lĩnh vực tài chính, ngân sách.

- Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, đối với các ngành, các đơn vị, các cấp của địa phương nhằm nâng cao hiệu quả việc sử dụng ngân sách, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh, xử lý các trường hợp vi phạm chế độ, chính sách tài chính theo quy định của pháp luật; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về chế độ, chính sách tài chính và thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tài chính công; kiên quyết xử lý vi phạm.

6. Về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Tiếp tục tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ tới cán bộ đảng viên, hội viên, đoàn viên và Nhân dân; xây dựng các kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Chương trình của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; cụ thể hóa các cơ chế, chính sách nêu trong Chương trình và bố trí đủ nguồn lực để thực hiện.

- Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 02/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk, xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch hàng năm của UBND tỉnh về Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk; Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Thực hiện số hoá các văn bản, tài liệu lưu trữ để phục vụ việc tra cứu, tìm kiếm và xử lý thông tin qua mạng. Đảm bảo 100% văn bản điện tử được ký số và luân chuyển trên môi trường điện tử.

- Thường xuyên cập nhật các thông tin trên Trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành và địa phương theo hướng bổ sung, nâng cấp các chuyên mục thông tin đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP nhằm đáp ứng công tác chỉ đạo điều hành, phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

- Tiếp tục triển khai giải pháp phòng chống mã độc theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại; tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch số 5369/KH-UBND ngày 17/6/2021 của UBND tỉnh về ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Tiếp tục duy trì việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 trong giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền.

Phần thứ ba **NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

I. KIẾN NGHỊ VỚI CHÍNH PHỦ

Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư hướng dẫn chỉ đạo các giải pháp rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ giải quyết TTHC tại các cơ quan hành chính nhà nước..

II. KIẾN NGHỊ VỚI BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG

1. Đề nghị Bộ Tư pháp

Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ tiếp tục đẩy mạnh rà soát để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới văn bản QPPL bảo đảm tính thống nhất, phù hợp trong hệ thống pháp luật; tạo cơ sở pháp lý để địa phương xây dựng, ban hành văn bản QPPL thuộc thẩm quyền.

Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho CBCCVC chuyên trách thực hiện công tác CCHC; cán bộ thực hiện công tác pháp chế; cán bộ phổ biến giáo dục pháp luật; cán bộ làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC ở các cơ quan hành chính nhà nước để nâng cao trình độ chuyên môn, nâng cao chất lượng, năng lực của đội ngũ CBCCVC nhằm đáp ứng yêu cầu CCHC, cải cách tư pháp.

2. Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Ban hành các quy định kỹ thuật để xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành nông nghiệp môi trường được thống nhất và đồng bộ trên phạm vi toàn quốc) Hướng dẫn tích hợp vận hành và chia sẻ thông tin dữ liệu trên các nền tảng chuyên ngành nông nghiệp và môi trường (cơ sở dữ liệu về: Đất đai; quản lý hồ, đập ...) để đảm bảo vận hành thống nhất, hiệu quả.

Đẩy nhanh tiến độ ban hành các văn bản hướng dẫn Luật Chăn nuôi, Luật Thú y, tạo điều kiện cho địa phương xây dựng thể chế phù hợp, hiệu quả. Hỗ trợ triển khai nền tảng dữ liệu số dùng chung toàn ngành thú y, kết nối từ Trung ương đến địa phương.

3. Những kiến nghị đề xuất khác

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Tuy nhiên tới thời điểm hiện tại các Bộ, ngành liên quan chưa ban hành Thông tư hướng dẫn liên quan đến xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật của từng dịch vụ công; xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng dịch vụ công; cách xác định giá từng dịch vụ công để làm cơ sở xây dựng phương án tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực; việc vận hành các dịch vụ công trong nền kinh tế thị trường, đặc biệt là vai trò điều tiết của Nhà nước đối với các dịch vụ công, nhất là các dịch vụ liên quan tới y tế, giáo dục, an sinh xã hội và việc nghiên cứu, xây dựng các quy định tiêu chí cụ thể để đánh giá mức độ hoàn thành

và chất lượng hoạt động sự nghiệp của đơn vị còn nhiều lúng túng, chưa có hệ thống đánh giá kết quả hoạt động thích hợp với đặc thù của từng ngành.

Trên đây là Báo cáo sơ kết 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh CCHC nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh, UBND tỉnh Đắk Lắk báo cáo Bộ Nội vụ để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Phòng, TT thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NVKS (B_06b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Hà